



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT

DANH MỤC TÀI SẢN ĐẾN 31/12/2019
KHOA: MỎ

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
I. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH								
21	BM Khai thác lộ thiên	13M155	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	KT134	Điều hòa 2 cục Ichieu National	Cái	Nhat	1997	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19M099	Khung mái che kt19,8x4m	bộ	VN	2019	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19M083	Máy chiếu Optoma PJ639X	Cái	ĐNA	2019	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M208	Máy in mau kho Ao	Cai	Nhat	2002	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M197	Thiết bị đo nhiệt lượng PARR	cai	My	2002	1	
22	BM Khai thác hầm lò	15M104	Điều hòa Funiki 24.000BTU	Cái	VN	2015	1	
22	BM Khai thác hầm lò	18M032	Máy tính G4400	Bộ	ĐNA	2018	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	18M072	Biến tần 3P 380VAC 15KW ACS-03E-31A0-4+màn hình ÁC-CP-C	Bộ	VN	2018	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA187	Bộ thiết bị đo khí đơn cầm tay	Bo	Anh	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	19M025	Điều hòa Sumikura 24000BTU	Bộ	ĐNA	2019	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA190	Máy đo ánh sáng điện tử hiện số	Cai	DL	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	KT012	Máy đo bụi hiện số	Cai	Nhat	1995	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	KT018	Máy đo rung VM63	Cai	Nhat	1995	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA185	TBi đo da nang trongphongTesto	Cai	Duc	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA188	TBi đo on cho CN ham mo	Bo	My	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA182	Thiết bị đo gió hầm lò	Bo	My	2010	1	
23	BM Tuyển khoáng	13M157	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
23	BM Tuyển khoáng	14M052	Máy tính ĐNA G2020 LCD19"	Bộ	ĐNA	2014	1	
23	BM Tuyển khoáng	19M108	Máy tính G5400	bộ	ĐNA	2019	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA127	Bàn trải thí nghiệm Holman Wilfley800 Gravity Table	Chiếc	Anh	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA045	Cân phân tích điện tử BS 2245	Cai	Duc	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	19M016	Khung mái che KT14.8x7.8	Bộ	VN	2019	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	19M037	Khung mái che KT6,2x6,2	Bộ	VN	2019	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA130	Lò nung nhiệt độ cao Nabertherm L9/13/B410	Chiếc	Đức	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA046	Máy đập ham PEX	Cai	TQ	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA047	Máy đập trực XPS	Cai	TQ	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	98M081	Máy lắc tròn Heidolph	Cai	Duc	1998	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA129	Máy lắc màng lắc thí nghiệm Dove Instrument DI-JC700	Chiếc	Thái Lan	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA132	Máy nghiền bi thép FLSmidth 0014-0844	Chiếc	Úc	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA051	Máy nghiền bi thép XMCQ	Cai	TQ	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	05M162	Máy phân tích lắng	Cai	VN	2005	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA125	Máy tuyển điện thí nghiệm Mineral Technologies ESP9007-PS1	Chiếc	Úc	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA126	Máy tuyển ly tâm FLSmidth KC-MD-3-G4	Chiếc	Úc	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	02M214	Máy tuyen noi da nang MN935/5	cai	Nhat	2002	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	92M091	Máy tuyền tĩnh điện	Cai	VN	1992	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	92M079A	Máy tuyền từ mạnh	Cai	VN	1992	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA131	Thiết bị phản ứng áp suất cao Parr 4563 (Moveable)	Chiếc	Mỹ	2017	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	98M080	Tủ am	Cai	Phap	1998	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA128	Vít đứng thí nghiệm Mineral Technologies CS1-101	Chiếc	Úc	2017	1	
27	BM Sức bền vật liệu	00M122	Điều hòa 2 cục National	Bo	Nhat	2000	1	
27	BM Sức bền vật liệu	01M218A	Điều hòa 2 cục National-	Cai	Malaixia	2001	1	
27	BM Sức bền vật liệu	13M158	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
27	BM Sức bền vật liệu	14M120	Máy tính G2020 LCD19"	Bộ	ĐNA	2014	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	97M194	Máy kéo nén vạn năng H-11	Cai	Duc	1997	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	14M122	Máy tính G2020 LCD19"	Bộ	ĐNA	2014	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	05M357	TB thu đo cung be tong TypeN34	Cai	Thuysy	2005	1	
28	VPK Mô	18M023	Điều hòa Sumikura 18.000 BTU	chiếc	ĐNA	2018	1	
28	VPK Mô	08M064	Máy chiếu projector panaso,man	Cai	Nhat	2008	1	
28	VPK Mô	14M187	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
II. CÔNG CỤ LAO ĐỘNG NHỎ								
27	BM Sức bền vật liệu	04G017	Ban vi tính	Cai	VN	2004	1	
27	BM Sức bền vật liệu	02M157	Máy quét Scanner 3500	cai	DNA	2002	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	13C068-069	Bàn làm việc	Cái	VN	2013	2	
21	BM Khai thác lộ thiên	95G062	Bàn máy vi tính	Cai	VN	1995	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	10C535-544	Ghế gấp			2010	10	
21	BM Khai thác lộ thiên	12C138-157	Ghế gấp	Cái	VN	2012	20	
21	BM Khai thác lộ thiên	06M023	Máy in Laser HP1160	Cai	DNA	2006	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	02M133	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2002	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	00G017	Tủ sắt 2 cánh kính	Cai	VN	2000	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	14C704	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	05G027A	Tủ sắt 6 ngăn	Cai	VN	2005	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	13C062	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2013	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	16C967-975	Bàn ghế học sinh	Bộ	VN	2016	9	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	16C967-975	Bàn ghế học sinh	Bộ	VN	2017	9	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19C198	Bàn làm việc	Cái	VN	2019	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	03G005-009	Bàn thí nghiệm fooc trang	cai	VN	2003	5	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	1973B8	Bàn vẽ	Cai	VN	1991	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	03G014-015	Bàn vi tính fooc	cai	VN	2003	2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	03G019-020	Bàn fooc	cai	VN	2003	2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	03G016-018	Ghế xoay	cai	VN	2003	3	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19C199	Ghế xoay 190	Cái	VN	2019	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	Giasachtv	Giá sắt cao	Cai	VN		2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M207	Man chieu cua may Infocus	Cai	My	2002	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M154	Máy in màu Epson Stylus 1160	cai	DNA	2002	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M202	Nguồn cung cấp điện 1 chiều	cai	My	2002	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M134	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2002	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	98M056-057	Quạt cây Điện cơ	Cai	VN	1998	2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19C200-208	Quạt treo tường Vinawind	Cái	VN	2019	9	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	03G001A	Tủ gỗ 4 ngăn đựng tài liệu	Cai	VN	2003	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	00G013	Tủ sắt 2 cánh	Cai	VN	2000	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	15C785	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19C196-197	Tủ sắt 2 cánh mở	Cái	VN	2019	2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19C194-195	Tủ sắt 8 cánh mở	Cái	VN	2019	2	
22	BM Khai thác hầm lò	00G036A	Bàn họp lon	Cai	VN	2000	2	
22	BM Khai thác hầm lò	20G037	Ghế đệm mút	Cai	VN	2000	15	
22	BM Khai thác hầm lò	14C780-793	Ghế gấp	Cái	VN	2014	14	
22	BM Khai thác hầm lò	15M183	Máy in đa năng Canon MF211	Cái	ĐNA	2015	1	
22	BM Khai thác hầm lò	18M033	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	ĐNA	2018	1	
22	BM Khai thác hầm lò	18M053	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	ĐNA	2018	1	
22	BM Khai thác hầm lò	14C869	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
22	BM Khai thác hầm lò	16C1030-1031	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2016	2	
22	BM Khai thác hầm lò	16C1028-1029	Tủ sắt 4 cánh	Cái	VN	2016	2	
22	BM Khai thác hầm lò	05G025	Tu sat 6 ngan	Cai	VN	2005	1	
22	BM Khai thác hầm lò	11C218	Tu sat 8 ngan	Cai	VN	2011	1	
22	BM Khai thác hầm lò	11C468	Tu sat kinh dung tai lieu	Cai	VN	2011	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4364-4366	Am ke Asman	Cai	Duc	1969	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4381B3	Am ke Augut	Cai	Hung	1975	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	5237	Can tieu ly	Cai	TQ	1976	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	5181A-A1	Can van nang	Cai	Hung	1975	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	00M130	Che tao cui sat cai tien CSC	Cai	VN	2000	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4180-4184	La ban	Cai	Duc	1975	3	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4776	Lo nung	Cai	Hung	1975	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA179	Màn chiếutreotuongSunbeam96x96	Cai	TQ	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	676	Mang thông gió lon	B	VN	1971	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	5812	Máy dem bụi	Cai	Duc	1975	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	96M186-187	Máy đo áp lực AQT-145	Cai	TQ	1996	2	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	5588	Máy đo CO2-GRH9	B	Duc	1970	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	93M028	Máy đo độ phong xa	Cai	Nga	1993	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4317-4320	Máy đo gió hình cánh	Cai	Nga	1969	4	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4322	Máy đo gió hình cánh	Cai	Nga	1969	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4323-4328	Máy đo gió hình gao	Cai	Nga-Duc	1975	5	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	98M091	Máy đo to đo DC hiện số HT4100	Cai	Nhat	1998	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	3288A	Máy phát hiện khí độc WG-2M	B	Duc	1987	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	2205	Megomet	Cai	TQ	1964	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	3042	On áp NR-220/20	Cai	Duc	1975	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	97M148-156	Thiết bị đo áp lực trong lò	Cai	TQ	1997	3	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA184	Thiết bị đo nhiệt độ cầm tay	Cai	TQ	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4744	Tu say chân không	Cai	Ba Lan	1975	1	
23	BM Tuyển khoáng	14M053	Máy in Canon LBP6200D	Cái	ĐNA	2014	1	
23	BM Tuyển khoáng	06DA056	Máy in Laser HP3050	Cai	TQ	2006	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	19C215-216	Bàn làm việc 1,2m HP	Cái	VN	2019	2	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	95M066	Be nước inoc	Cai	VN	1995	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	4648	Bếp cách thủy HLT-8	Cai	Balan	1972	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	3049A	Biến áp tu ngẫu	Cai	Nga	1981	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	3034A	Biến áp tu ngẫu	Cai	Nga	1979	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	3002	Biến áp tu ngẫu	Cai	TQ	1974	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	3001	Biến áp tu ngẫu	Cai	Nga	1976	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	4946	Bình on nhiệt NBE	Cai	Duc	1974	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	92M097	Bom cat	Cai	VN	1992	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	360	Bom cat SB-1-66	Cai	TQ	1974	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	359	Bom cat SR-2-66	Cai	TQ	1974	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	99M211	Bom nước	Cai	Tr.tien	1999	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	5287	Cán bàn	Cai	VN	1970	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	5283	Cán đĩa PRL-T313	Cai	Balan	1970	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	5158	Cán Kỹ thuật	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	5209	Cán Kỹ thuật	Cai	TQ	1981	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	92M059	Cán phân tích	Cai	Duc	1992	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	99M212	Chỉnh lưu máy tuyển tu	Cai	Nga	1999	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	15C810-819	Ghế gấp	Cái	VN	2015	10	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	19C217-231	Ghế Inox	Cái	VN	2019	15	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	Giasachtv	Giá sắt cao	Cai	VN		1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	Giasachtv	Giá sắt thấp	Cai	VN		1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	98M083	Kính hiển vi sinh vật	Cai	TQ	1998	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	4793	Lo nung M10	Cai		1976	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4793	Lo nung OH-21	Cai	Duc	1979	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5077	May ban dai 30A-KS	Cai	Nga	1974	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA050	May bom chan khong thi nghiem	Cai	TQ	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	00M240	May cat nuoc 1 lan INOX	Cai	TQ	2000	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4876	May dap ham JO-2	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4873	May dap ham LE-103-97	Cai	Hung	1974	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4874	May dap truc 59-BDP	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	02M142	Máy in mau Epson Stylus 1160	cai	DNA	2002	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4833	May khuay truc mem ML-2	Cai	Balan	1974	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4831	May khuay tu ZMB	Cai	Hung	1974	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5054	May lang mang GM-1-66	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5052	May lang mang GM-2-66	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5053	May lang mang GM-3-66	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA049	Máy nén khí ABAC	Cai	Y	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4857	May nghien bi sat 40-TN	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4854	May nghien bi su LE-101	Cai	Hung	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4862	May nghien thanh XMB-67	Cai	TQ	1976	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5041	May sang rung XSZ-73	Cai	TQ	1976	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	92M092	May tuyen noi	Cai	TQ	1992	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5062	May tuyen noi 135-BPL	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5063	May tuyen noi 136-BPL	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5064	May tuyen noi XF4R-63	Cai	TQ	1969	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5066	May tuyen noi XFG-1-63	Cai	TQ	1976	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5021	May tuyen tu kho 138-TCCEM	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5022	May tuyen tu uot 25-TCCEM	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4864	May xiet dia 175	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	7074	May xoay loc nuoc	Cai	VN	1975	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	98M085	Noi hap YX 280	Cai	TQ	1998	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	97C049	On ap Lioa	Cai	VN	1997	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	00M244	On ap Lioa	Cai	VN	2000	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	94M037	pH met HI-8424C	Cai	Ytali	1994	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5071	Thung khuay JB2-66	Cai	TQ	1971	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	19C214	Tủ kính HP	Cái	VN	2019	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	15C615-616	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2015	2	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	09C266	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2009	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	19C213	Tủ sắt 8 cánh HP	Cái	VN	2019	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	03G038	Tu sat cao 2met	cai	VN	2003	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	01G006	Tu sat kinh	Cai	VN	2001	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	1437	Volmet xoay chieu	Cai	TQ	1978	1	
27	BM Sức bền vật liệu	02G038	Ban hop	Cai	VN	2002	1	
27	BM Sức bền vật liệu	07G050A	Ban lam viec	Cai	VN	2007	1	
27	BM Sức bền vật liệu	03G071	Bang fooc	cai	VN	2003	1	
27	BM Sức bền vật liệu	09C089-093	Ghe gap	Cai	VN	2009	5	
27	BM Sức bền vật liệu	14C1382-1391	Ghế gấp	Cái	VN	2014	10	
27	BM Sức bền vật liệu	14C1267	Ghế xoay	Cái	VN	2014	1	
27	BM Sức bền vật liệu	04C015	May dien thoai LG	Cai	VN	2004	1	
27	BM Sức bền vật liệu	17M101	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	HQ	2017	1	
27	BM Sức bền vật liệu	14M121	Máy in đa năng Canon MF3010	Cái	ĐNA	2014	1	
27	BM Sức bền vật liệu	00G011	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2000	1	
27	BM Sức bền vật liệu	14C647-648	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2014	2	
27	BM Sức bền vật liệu	03G061	Tu sat canh kinh cao 2met	cai	VN	2003	1	
27	BM Sức bền vật liệu	07G050	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	02G038	Ban hop	Cai	VN	2002	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	08C482	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	03G071	Bang fooc	cai	VN	2003	2	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	01C066	Bo dung cu Clezet	Bo	Nhat	2001	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	04M164	Can ky thuat DY10K	Cai	TQ	2004	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	20C078-081	Chuyen vi ke Mitugio	Cai		2000	8	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	01M013A	Duong day dien thoai	Cai	VN	2001	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	08C754-758	Ghe gap	Cai	VN	2008	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	685	May keo nen RM-104	Cai	Hung	1974	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	01M257-258	Mô hình thí nghiệm SBVL	Bo	VN	2001	2	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	27BS004	On ap lioa 2KVA	Cai	VN	2000	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	20C082-083	Thuoc cap 300-0.05	Cai		2000	2	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	04G026	Tu sat 6 ngan	Cai	VN	2004	1	
28	VPK Mô	08C183	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	
28	VPK Mô	08C494	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	
28	VPK Mô	00G015A,B,C	Ban lam viec	Cai	VN	2000	3	
28	VPK Mô	14C708	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	1	
28	VPK Mô	09C249	Ban lam viec 1,6m TP	Cai	VN	2009	1	
28	VPK Mô	28BS006	Ban vi tinh	Cai	VN		1	
28	VPK Mô	02M160	Bo CDRom + Card + Loa	bo	DNA	2002	1	
28	VPK Mô	14M099	Điều hoà Funiki 12.000BTU	Bộ	ĐNA	2014	1	
28	VPK Mô	98M002	Duong day dien thoai	Bo	VN	1998	1	
28	VPK Mô	07G236-246	Ghe gap	Cai	VN	2007	10	
28	VPK Mô	08C506-515	Ghe gap	Cai	VN	2008	10	
28	VPK Mô	14C794-813	Ghế gấp	Cái	VN	2014	20	
28	VPK Mô	14C722	Ghế xoay	Cái	VN	2014	1	
28	VPK Mô	09C248	Ghe xoay to TP	Cai	VN	2009	1	
28	VPK Mô	28BS032-042	Ghe Xuan hoa	Cai	VN		9	
28	VPK Mô	16C081	Màn chiếu điện Dalite 84x84 inch	Chiếc	ĐNA	2016	1	
28	VPK Mô	19C415	Màn hình máy tính Dell E2417H IPS 24"	Chiếc	TQ	2019	1	
28	VPK Mô	BDA28DT-001	May dien thoai Panasonic	Cai	Nhat		1	
28	VPK Mô	08C105	May in Canon 1210	Cai	DNA	2008	1	
28	VPK Mô	13M223	Máy in Canon LBP6200d	Cái	ĐNA	2013	1	
28	VPK Mô	14M212	Máy in đa năng Canon MF3010	Cái	ĐNA	2014	1	
28	VPK Mô	09M042	Máy vi tính DELL GX360	Bo	TQ	2009	1	
28	VPK Mô	01M068	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2001	1	
28	VPK Mô	13C178	Quạt cây Vinawind	cái	VN	2014	1	
28	VPK Mô	02M162	Radio catset Phillip	Cai	DNA	2002	1	
28	VPK Mô	00M311	Tu lanh Sanyo SR-11AD	Cai	Nhat	2000	1	
28	VPK Mô	05G019	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2005	1	
28	VPK Mô	08C182	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1	
28	VPK Mô	08C456-457	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	2	
28	VPK Mô	07G040	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT

DANH MỤC TÀI SẢN ĐẾN 31/12/2020
KHOA: MỎ

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
I. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH								
21	BM Khai thác lộ thiên	13M155	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	KT134	Điều hòa 2 cục Ichieu National	Cái	Nhat	1997	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19M099	Khung mái che kt19,8x4m	bộ	VN	2019	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19M083	Máy chiếu Optoma PJ639X	Cái	ĐNA	2019	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M208	Máy in mau kho Ao	Cai	Nhat	2002	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M197	Thiết bị đo nhiệt lượng PARR	cai	My	2002	1	
22	BM Khai thác hầm lò	15M104	Điều hòa Funiki 24.000BTU	Cái	VN	2015	1	
22	BM Khai thác hầm lò	18M032	Máy tính G4400	Bộ	ĐNA	2018	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	18M072	Biến tần 3P 380VAC 15KW ACS-03E-31A0-4+màn hình ÁC-CP-C	Bộ	VN	2018	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA187	Bộ thiết bị đo khí đơn cầm tay	Bo	Anh	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	19M025	Điều hòa Sumikura 24000BTU	Bộ	ĐNA	2019	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA190	Máy đo ánh sáng điện tử hiện số	Cai	DL	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	KT012	Máy đo bụi hiện số	Cai	Nhat	1995	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	KT018	Máy đo rung VM63	Cai	Nhat	1995	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA185	TBi đo da nang trongphongTesto	Cai	Duc	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA188	TBi đo on cho CN ham mo	Bo	My	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA182	Thiết bị đo gió hầm lò	Bo	My	2010	1	
23	BM Tuyển khoáng	13M157	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
23	BM Tuyển khoáng	14M052	Máy tính ĐNA G2020 LCD19"	Bộ	ĐNA	2014	1	
23	BM Tuyển khoáng	19M108	Máy tính G5400	bộ	ĐNA	2019	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA127	Bàn trải thí nghiệm Holman Wilfley800 Gravity Table	Chiếc	Anh	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA045	Cân phân tích điện tử BS 2245	Cai	Duc	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	19M016	Khung mái che KT14,8x7,8	Bộ	VN	2019	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	19M037	Khung mái che KT6,2x6,2	Bộ	VN	2019	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA130	Lò nung nhiệt độ cao Nabertherm L9/13/B410	Chiếc	Đức	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA046	Máy đập ham PEX	Cai	TQ	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA047	Máy đập trực XPS	Cai	TQ	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	98M081	Máy lắc tròn Heidolph	Cai	Duc	1998	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA129	Máy lắc màng lắc thí nghiệm Dove Instrument DI-JC700	Chiếc	Thái Lan	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA132	Máy nghiền bi thép FLSmidth 0014-0844	Chiếc	Úc	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA051	Máy nghiền bi thép XMCQ	Cai	TQ	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	05M162	Máy phân tích lắng	Cai	VN	2005	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA125	Máy tuyển điện thí nghiệm Mineral Technologies ESP9007-PS1	Chiếc	Úc	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA126	Máy tuyển ly tâm FLSmidth KC-MD-3-G4	Chiếc	Úc	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	02M214	Máy tuyen noi da nang MN935/5	cai	Nhat	2002	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	92M091	Máy tuyền tĩnh điện	Cai	VN	1992	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	92M079A	Máy tuyền từ mạnh	Cai	VN	1992	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA131	Thiết bị phản ứng áp suất cao Parr 4563 (Moveable)	Chiếc	Mỹ	2017	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	98M080	Tủ am	Cai	Phap	1998	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA128	Vít đứng thí nghiệm Mineral Technologies CS1-101	Chiếc	Úc	2017	1	
27	BM Sức bền vật liệu	00M122	Điều hòa 2 cục National	Bo	Nhat	2000	1	
27	BM Sức bền vật liệu	01M218A	Điều hòa 2 cục National-	Cai	Malaixia	2001	1	
27	BM Sức bền vật liệu	13M158	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
27	BM Sức bền vật liệu	14M120	Máy tính G2020 LCD19"	Bộ	ĐNA	2014	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	97M194	Máy kéo nén vạn năng H-11	Cai	Duc	1997	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	14M122	Máy tính G2020 LCD19"	Bộ	ĐNA	2014	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	05M357	TB thu đo cung be tong TypeN34	Cai	Thuysy	2005	1	
28	VPK Mô	18M023	Điều hòa Sumikura 18.000 BTU	chiếc	ĐNA	2018	1	
28	VPK Mô	08M064	Máy chiếu projector panaso,man	Cai	Nhat	2008	1	
28	VPK Mô	14M187	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
II. CÔNG CỤ LAO ĐỘNG NHỎ								
27	BM Sức bền vật liệu	04G017	Ban vi tính	Cai	VN	2004	1	
27	BM Sức bền vật liệu	02M157	Máy quét Scanner 3500	cai	DNA	2002	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	13C068-069	Bàn làm việc	Cái	VN	2013	2	
21	BM Khai thác lộ thiên	95G062	Bàn máy vi tính	Cai	VN	1995	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	10C535-544	Ghế gấp			2010	10	
21	BM Khai thác lộ thiên	12C138-157	Ghế gấp	Cái	VN	2012	20	
21	BM Khai thác lộ thiên	06M023	Máy in Laser HP1160	Cai	DNA	2006	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	02M133	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2002	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	00G017	Tủ sắt 2 cánh kính	Cai	VN	2000	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	14C704	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	05G027A	Tủ sắt 6 ngăn	Cai	VN	2005	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	13C062	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2013	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	16C967-975	Bàn ghế học sinh	Bộ	VN	2016	9	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	16C967-975	Bàn ghế học sinh	Bộ	VN	2017	9	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19C198	Bàn làm việc	Cái	VN	2019	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	03G005-009	Bàn thí nghiệm fooc trang	cai	VN	2003	5	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	1973B8	Bàn vẽ	Cai	VN	1991	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	03G014-015	Bàn vi tính fooc	cai	VN	2003	2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	03G019-020	Bàn fooc	cai	VN	2003	2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	03G016-018	Ghế xoay	cai	VN	2003	3	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19C199	Ghế xoay 190	Cái	VN	2019	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	Giasachtv	Giá sắt cao	Cai	VN		2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M207	Man chieu cua may Infocus	Cai	My	2002	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M154	Máy in màu Epson Stylus 1160	cai	DNA	2002	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M202	Nguồn cung cấp điện 1 chiều	cai	My	2002	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M134	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2002	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	98M056-057	Quạt cây Điện cơ	Cai	VN	1998	2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19C200-208	Quạt treo tường Vinawind	Cái	VN	2019	9	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	03G001A	Tủ gỗ 4 ngăn đựng tài liệu	Cai	VN	2003	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	00G013	Tủ sắt 2 cánh	Cai	VN	2000	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	15C785	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19C196-197	Tủ sắt 2 cánh mở	Cái	VN	2019	2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19C194-195	Tủ sắt 8 cánh mở	Cái	VN	2019	2	
22	BM Khai thác hầm lò	00G036A	Bàn họp lon	Cai	VN	2000	2	
22	BM Khai thác hầm lò	20G037	Ghế đệm mút	Cai	VN	2000	15	
22	BM Khai thác hầm lò	14C780-793	Ghế gấp	Cái	VN	2014	14	
22	BM Khai thác hầm lò	15M183	Máy in đa năng Canon MF211	Cái	ĐNA	2015	1	
22	BM Khai thác hầm lò	18M033	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	ĐNA	2018	1	
22	BM Khai thác hầm lò	18M053	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	ĐNA	2018	1	
22	BM Khai thác hầm lò	14C869	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
22	BM Khai thác hầm lò	16C1030-1031	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2016	2	
22	BM Khai thác hầm lò	16C1028-1029	Tủ sắt 4 cánh	Cái	VN	2016	2	
22	BM Khai thác hầm lò	05G025	Tu sat 6 ngan	Cai	VN	2005	1	
22	BM Khai thác hầm lò	11C218	Tu sat 8 ngan	Cai	VN	2011	1	
22	BM Khai thác hầm lò	11C468	Tu sat kinh dung tai lieu	Cai	VN	2011	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4364-4366	Am ke Asman	Cai	Duc	1969	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4381B3	Am ke Augut	Cai	Hung	1975	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	20C393	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2020	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	5237	Can tieu ly	Cai	TQ	1976	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	5181A-A1	Can van nang	Cai	Hung	1975	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	00M130	Che tao cui sat cai tien CSC	Cai	VN	2000	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	20C057-061	Giá sắt 5 tầng HP	cái	VN	2020	5	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4180-4184	La ban	Cai	Duc	1975	3	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4776	Lo nung	Cai	Hung	1975	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA179	Màn chiếutreotuongSunbeam96x96	Cai	TQ	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	676	Mang thông gió lon	B	VN	1971	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	5812	Máy dem bụi	Cai	Duc	1975	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	96M186-187	Máy đo áp lực AQT-145	Cai	TQ	1996	2	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	5588	Máy đo CO2-GRH9	B	Duc	1970	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	93M028	Máy đo độ phong xa	Cai	Nga	1993	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4317-4320	Máy đo gió hình cánh	Cai	Nga	1969	4	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4322	Máy đo gió hình cánh	Cai	Nga	1969	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4323-4328	Máy đo gió hình gao	Cai	Nga-Duc	1975	5	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	98M091	Máy đo to đo DC hiện số HT4100	Cai	Nhat	1998	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	3288A	Máy phát hiện khí độc WG-2M	B	Duc	1987	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	2205	Megomet	Cai	TQ	1964	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	3042	On áp NR-220/20	Cai	Duc	1975	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	97M148-156	Thiết bị đo áp lực trong lò	Cai	TQ	1997	3	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA184	Thiết bị đo nhiệt độ cầm tay	Cai	TQ	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	20C055-056	Tủ kính HP	cái	VN	2020	3	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4744	Tu say chân không	Cai	Ba Lan	1975	1	
23	BM Tuyển khoáng	14M053	Máy in Canon LBP6200D	Cái	ĐNA	2014	1	
23	BM Tuyển khoáng	20C107	Máy in HP laserjet pro M402d	Cái	Philippin	2020	1	
23	BM Tuyển khoáng	06DA056	Máy in Laser HP3050	Cai	TQ	2006	1	
23	BM Tuyển khoáng	20C240	Tủ sắt HP		VN	2020	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	19C215-216	Bàn làm việc 1,2m HP	Cái	VN	2019	2	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	95M066	Be nước inoc	Cai	VN	1995	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	4648	Bếp cách thủy HLT-8	Cai	Balan	1972	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	3049A	Biện áp tu ngẫu	Cai	Nga	1981	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	3034A	Biện áp tu ngẫu	Cai	Nga	1979	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	3002	Biện áp tu ngẫu	Cai	TQ	1974	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	3001	Biện áp tu ngẫu	Cai	Nga	1976	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	4946	Bình on nhiệt NBE	Cai	Duc	1974	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	92M097	Bơm cát	Cai	VN	1992	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	360	Bơm cát SB-1-66	Cai	TQ	1974	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	359	Bơm cát SR-2-66	Cai	TQ	1974	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	99M211	Bơm nước	Cai	Tr.tien	1999	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	5287	Cán bàn	Cai	VN	1970	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	5283	Cán đĩa PRL-T313	Cai	Balan	1970	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	5158	Cán Kỹ thuật	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	5209	Cán Kỹ thuật	Cai	TQ	1981	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	92M059	Cán phân tích	Cai	Duc	1992	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	99M212	Chỉnh lưu máy tuyển tu	Cai	Nga	1999	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	15C810-819	Giẻ gấp	Cái	VN	2015	10	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	19C217-231	Ghế Inox	Cái	VN	2019	15	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	Giasachtv	Giá sắt cao	Cai	VN		1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	Giasachtv	Giá sắt thấp	Cai	VN		1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	98M083	Kinh hien vi sinh vat	Cai	TQ	1998	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4793	Lo nung M10	Cai		1976	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4793	Lo nung OH-21	Cai	Duc	1979	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5077	May ban dai 30A-KS	Cai	Nga	1974	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA050	May bom chan khong thi nghiem	Cai	TQ	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	00M240	May cat nuoc 1 lan INOX	Cai	TQ	2000	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4876	May dap ham JO-2	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4873	May dap ham LE-103-97	Cai	Hung	1974	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4874	May dap truc 59-BDP	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	02M142	Máy in mau Epson Stylus 1160	cai	DNA	2002	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4833	May khuay truc mem ML-2	Cai	Balan	1974	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4831	May khuay tu ZMB	Cai	Hung	1974	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5054	May lang mang GM-1-66	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5052	May lang mang GM-2-66	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5053	May lang mang GM-3-66	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA049	Máy nén khí ABAC	Cai	Y	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4857	May nghien bi sat 40-TN	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4854	May nghien bi su LE-101	Cai	Hung	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4862	May nghien thanh XMB-67	Cai	TQ	1976	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5041	May sang rung XSZ-73	Cai	TQ	1976	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	92M092	May tuyen noi	Cai	TQ	1992	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5062	May tuyen noi 135-BPL	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5063	May tuyen noi 136-BPL	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5064	May tuyen noi XF4R-63	Cai	TQ	1969	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5066	May tuyen noi XFG-1-63	Cai	TQ	1976	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5021	May tuyen tu kho 138-TCM	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5022	May tuyen tu uot 25-TCM	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4864	May xiet dia 175	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	7074	May xoay loc nuoc	Cai	VN	1975	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	98M085	Noi hap YX 280	Cai	TQ	1998	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	97C049	On ap Lioa	Cai	VN	1997	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	00M244	On ap Lioa	Cai	VN	2000	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	94M037	pH met HI-8424C	Cai	Ytali	1994	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5071	Thung khuay JB2-66	Cai	TQ	1971	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	19C214	Tủ kính HP	Cái	VN	2019	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	15C615-616	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2015	2	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	09C266	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2009	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	19C213	Tủ sắt 8 cánh HP	Cái	VN	2019	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	03G038	Tu sat cao 2met	cai	VN	2003	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	01G006	Tu sat kinh	Cai	VN	2001	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	1437	Volmet xoay chieu	Cai	TQ	1978	1	
27	BM Sức bền vật liệu	02G038	Ban hop	Cai	VN	2002	1	
27	BM Sức bền vật liệu	07G050A	Ban lam viec	Cai	VN	2007	1	
27	BM Sức bền vật liệu	03G071	Bang fooc	cai	VN	2003	1	
27	BM Sức bền vật liệu	09C089-093	Ghe gap	Cai	VN	2009	5	
27	BM Sức bền vật liệu	14C1382-1391	Ghế gấp	Cái	VN	2014	10	
27	BM Sức bền vật liệu	14C1267	Ghế xoay	Cái	VN	2014	1	
27	BM Sức bền vật liệu	04C015	May dien thoai LG	Cai	VN	2004	1	
27	BM Sức bền vật liệu	17M101	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	HQ	2017	1	
27	BM Sức bền vật liệu	20C131	Máy in đa năng Canon MF241D	Cái	HQ	2020	1	
27	BM Sức bền vật liệu	14M121	Máy in đa năng Canon MF3010	Cái	ĐNA	2014	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
27	BM Sức bền vật liệu	00G011	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2000	1	
27	BM Sức bền vật liệu	14C647-648	Tù sắt 8 cánh	Cái	VN	2014	2	
27	BM Sức bền vật liệu	03G061	Tu sat canh kinh cao 2met	cai	VN	2003	1	
27	BM Sức bền vật liệu	07G050	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	02G038	Ban hop	Cai	VN	2002	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	08C482	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	03G071	Bang fooc	cai	VN	2003	2	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	01C066	Bo dung cu Clezet	Bo	Nhat	2001	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	04M164	Can ky thuat DY10K	Cai	TQ	2004	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	20C078-081	Chuyen vi ke Mitugio	Cai		2000	8	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	01M013A	Duong day dien thoai	Cai	VN	2001	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	08C754-758	Ghe gap	Cai	VN	2008	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	685	May keo nen RM-104	Cai	Hung	1974	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	01M257-258	Mô hình thí nghiệm SBVL	Bo	VN	2001	2	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	27BS004	On ap lioa 2KVA	Cai	VN	2000	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	20C082-083	Thuoc cap 300-0.05	Cai		2000	2	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	04G026	Tu sat 6 ngan	Cai	VN	2004	1	
28	VPK Mô	08C183	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	
28	VPK Mô	08C494	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	
28	VPK Mô	00G015A,B,C	Ban lam viec	Cai	VN	2000	3	
28	VPK Mô	14C708	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	1	
28	VPK Mô	09C249	Ban lam viec 1,6m TP	Cai	VN	2009	1	
28	VPK Mô	28BS006	Ban vi tinh	Cai	VN		1	
28	VPK Mô	02M160	Bo CDRom + Card + Loa	bo	DNA	2002	1	
28	VPK Mô	14M099	Điều hoà Funiki 12.000BTU	Bộ	ĐNA	2014	1	
28	VPK Mô	98M002	Duong day dien thoai	Bo	VN	1998	1	
28	VPK Mô	07G236-246	Ghe gap	Cai	VN	2007	10	
28	VPK Mô	08C506-515	Ghe gap	Cai	VN	2008	10	
28	VPK Mô	14C794-813	Ghế gấp	Cái	VN	2014	20	
28	VPK Mô	14C722	Ghế xoay	Cái	VN	2014	1	
28	VPK Mô	09C248	Ghe xoay to TP	Cai	VN	2009	1	
28	VPK Mô	28BS032-042	Ghe Xuan hoa	Cai	VN		9	
28	VPK Mô	16C081	Màn chiếu điện Dalite 84x84 inch	Chiếc	ĐNA	2016	1	
28	VPK Mô	19C415	Màn hình máy tính Dell E2417H IPS 24"	Chiếc	TQ	2019	1	
28	VPK Mô	BDA28DT-001	May dien thoai Panasonic	Cai	Nhat		1	
28	VPK Mô	08C105	May in Canon 1210	Cai	DNA	2008	1	
28	VPK Mô	13M223	Máy in Canon LBP6200d	Cái	ĐNA	2013	1	
28	VPK Mô	14M212	Máy in đa năng Canon MF3010	Cái	ĐNA	2014	1	
28	VPK Mô	09M042	Máy vi tính DELL GX360	Bo	TQ	2009	1	
28	VPK Mô	01M068	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2001	1	
28	VPK Mô	13C178	Quạt cây Vinawind	cái	VN	2014	1	
28	VPK Mô	02M162	Radio catset Phillip	Cai	DNA	2002	1	
28	VPK Mô	20C052-054	Tủ kính HP	cái	VN	2020	3	
28	VPK Mô	00M311	Tu lanh Sanyo SR-11AD	Cai	Nhat	2000	1	
28	VPK Mô	05G019	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2005	1	
28	VPK Mô	08C182	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1	
28	VPK Mô	08C456-457	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	2	
28	VPK Mô	07G040	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT

DANH MỤC TÀI SẢN ĐẾN 31/12/2021
KHOA: MỎ

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
I. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH								
21	BM Khai thác lộ thiên	13M155	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	KT134	Điều hòa 2 cục Ichieu National	Cái	Nhat	1997	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19M099	Khung mái che kt19,8x4m	bộ	VN	2019	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19M083	Máy chiếu Optoma PJ639X	Cái	ĐNA	2019	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M208	Máy in mau kho Ao	Cai	Nhat	2002	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M197	Thiết bị đo nhiệt lượng PARR	cai	My	2002	1	
22	BM Khai thác hầm lò	15M104	Điều hòa Funiki 24.000BTU	Cái	VN	2015	1	
22	BM Khai thác hầm lò	18M032	Máy tính G4400	Bộ	ĐNA	2018	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	18M072	Biến tần 3P 380VAC 15KW ACS-03E-31A0-4+màn hình ÁC-CP-C	Bộ	VN	2018	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA187	Bộ thiết bị đo khí đơn cầm tay	Bo	Anh	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	19M025	Điều hòa Sumikura 24000BTU	Bộ	ĐNA	2019	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA190	Máy đo ánh sáng điện tử hiện số	Cai	DL	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	KT012	Máy đo bụi hiện số	Cai	Nhat	1995	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	KT018	Máy đo rung VM63	Cai	Nhat	1995	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA185	TBi đo da nang trongphongTesto	Cai	Duc	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA188	TBi đo on cho CN ham mo	Bo	My	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA182	Thiết bị đo gió hầm lò	Bo	My	2010	1	
23	BM Tuyển khoáng	13M157	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
23	BM Tuyển khoáng	14M052	Máy tính ĐNA G2020 LCD19"	Bộ	ĐNA	2014	1	
23	BM Tuyển khoáng	19M108	Máy tính G5400	bộ	ĐNA	2019	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA127	Bàn trải thí nghiệm Holman Wilfley800 Gravity Table	Chiếc	Anh	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA045	Cân phân tích điện tử BS 2245	Cai	Duc	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	19M016	Khung mái che KT14,8x7,8	Bộ	VN	2019	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	19M037	Khung mái che KT6,2x6,2	Bộ	VN	2019	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA130	Lò nung nhiệt độ cao Nabertherm L9/13/B410	Chiếc	Đức	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA046	Máy đập ham PEX	Cai	TQ	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA047	Máy đập trực XPS	Cai	TQ	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	98M081	Máy lắc tròn Heidolph	Cai	Duc	1998	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA129	Máy lắc màng lắc thí nghiệm Dove Instrument DI-JC700	Chiếc	Thái Lan	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA132	Máy nghiền bi thép FLSmidth 0014-0844	Chiếc	Úc	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA051	Máy nghiền bi thép XMCQ	Cai	TQ	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	05M162	Máy phân tích lắng	Cai	VN	2005	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA125	Máy tuyển điện thí nghiệm Mineral Technologies ESP9007-PS1	Chiếc	Úc	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA126	Máy tuyển ly tâm FLSmidth KC-MD-3-G4	Chiếc	Úc	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	02M214	Máy tuyen noi da nang MN935/5	cai	Nhat	2002	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	92M091	Máy tuyền tĩnh điện	Cai	VN	1992	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	92M079A	Máy tuyền từ mạnh	Cai	VN	1992	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA131	Thiết bị phản ứng áp suất cao Parr 4563 (Moveable)	Chiếc	Mỹ	2017	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	98M080	Tủ am	Cai	Phap	1998	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA128	Vít đứng thí nghiệm Mineral Technologies CS1-101	Chiếc	Úc	2017	1	
27	BM Sức bền vật liệu	00M122	Điều hòa 2 cục National	Bo	Nhat	2000	1	
27	BM Sức bền vật liệu	01M218A	Điều hòa 2 cục National-	Cai	Malaixia	2001	1	
27	BM Sức bền vật liệu	13M158	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
27	BM Sức bền vật liệu	14M120	Máy tính G2020 LCD19"	Bộ	ĐNA	2014	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	97M194	Máy kéo nén vạn năng H-11	Cai	Duc	1997	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	14M122	Máy tính G2020 LCD19"	Bộ	ĐNA	2014	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	05M357	TB thu đo cung be tong TypeN34	Cai	Thuysy	2005	1	
28	VPK Mô	18M023	Điều hòa Sumikura 18.000 BTU	chiếc	ĐNA	2018	1	
28	VPK Mô	08M064	Máy chiếu projector panaso,man	Cai	Nhat	2008	1	
28	VPK Mô	21M037	Máy tính ĐNA AOC21,5"	Bộ	ĐNA	2021	1	
28	VPK Mô	14M187	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
II. CÔNG CỤ LAO ĐỘNG NHỎ								
27	BM Sức bền vật liệu	04G017	Ban vi tính	Cai	VN	2004	1	
27	BM Sức bền vật liệu	02M157	Máy quét Scanner 3500	cai	DNA	2002	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	13C068-069	Bàn làm việc	Cái	VN	2013	2	
21	BM Khai thác lộ thiên	95G062	Bàn máy vi tính	Cai	VN	1995	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	10C535-544	Ghế gấp			2010	10	
21	BM Khai thác lộ thiên	12C138-157	Ghế gấp	Cái	VN	2012	20	
21	BM Khai thác lộ thiên	06M023	Máy in Laser HP1160	Cai	DNA	2006	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	02M133	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2002	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	00G017	Tủ sắt 2 cánh kính	Cai	VN	2000	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	14C704	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	05G027A	Tủ sắt 6 ngăn	Cai	VN	2005	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	13C062	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2013	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	16C967-975	Bàn ghế học sinh	Bộ	VN	2016	9	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	16C967-975	Bàn ghế học sinh	Bộ	VN	2017	9	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19C198	Bàn làm việc	Cái	VN	2019	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	03G005-009	Bàn thí nghiệm fooc trang	cai	VN	2003	5	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	1973B8	Bàn vẽ	Cai	VN	1991	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	03G014-015	Bàn vi tính fooc	cai	VN	2003	2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	03G019-020	Bàn fooc	cai	VN	2003	2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	03G016-018	Ghế xoay	cai	VN	2003	3	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19C199	Ghế xoay 190	Cái	VN	2019	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	Giasachtv	Giá sắt cao	Cai	VN		2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M207	Màn chiếu của máy Infocus	Cai	My	2002	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M154	Máy in màu Epson Stylus 1160	cai	DNA	2002	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M202	Nguồn cung cấp điện 1 chiều	cai	My	2002	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M134	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2002	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	98M056-057	Quạt cây Điện cơ	Cai	VN	1998	2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19C200-208	Quạt treo tường Vinawind	Cái	VN	2019	9	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	03G001A	Tủ gỗ 4 ngăn đựng tài liệu	Cai	VN	2003	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	00G013	Tủ sắt 2 cánh	Cai	VN	2000	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	15C785	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19C196-197	Tủ sắt 2 cánh mở	Cái	VN	2019	2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19C194-195	Tủ sắt 8 cánh mở	Cái	VN	2019	2	
22	BM Khai thác hầm lò	00G036A	Bàn họp lon	Cai	VN	2000	2	
22	BM Khai thác hầm lò	20G037	Ghế đệm mút	Cai	VN	2000	15	
22	BM Khai thác hầm lò	14C780-793	Ghế gấp	Cái	VN	2014	14	
22	BM Khai thác hầm lò	15M183	Máy in đa năng Canon MF211	Cái	ĐNA	2015	1	
22	BM Khai thác hầm lò	18M033	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	ĐNA	2018	1	
22	BM Khai thác hầm lò	18M053	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	ĐNA	2018	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
22	BM Khai thác hầm lò	14C869	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	
22	BM Khai thác hầm lò	16C1030-1031	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2016	2	
22	BM Khai thác hầm lò	16C1028-1029	Tủ sắt 4 cánh	Cái	VN	2016	2	
22	BM Khai thác hầm lò	05G025	Tu sat 6 ngan	Cai	VN	2005	1	
22	BM Khai thác hầm lò	11C218	Tu sat 8 ngan	Cai	VN	2011	1	
22	BM Khai thác hầm lò	11C468	Tu sat kinh dung tai lieu	Cai	VN	2011	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4364-4366	Am ke Asman	Cai	Duc	1969	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4381B3	Am ke Augut	Cai	Hung	1975	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	20C393	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2020	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	5237	Can tieu ly	Cai	TQ	1976	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	5181A-A1	Can van nang	Cai	Hung	1975	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	00M130	Che tao cui sat cai tien CSC	Cai	VN	2000	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	20C057-061	Giá sắt 5 tầng HP	cái	VN	2020	5	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4180-4184	La ban	Cai	Duc	1975	3	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4776	Lo nung	Cai	Hung	1975	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA179	Màn chiếutreotuongSunbeam96x96	Cai	TQ	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	676	Mang thông gió lon	B	VN	1971	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	5812	Máy dem bụi	Cai	Duc	1975	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	96M186-187	Máy đo áp lực AQT-145	Cai	TQ	1996	2	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	5588	Máy đo CO2-GRH9	B	Duc	1970	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	93M028	Máy đo độ phong xa	Cai	Nga	1993	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4317-4320	Máy đo gió hình cánh	Cai	Nga	1969	4	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4322	Máy đo gió hình cánh	Cai	Nga	1969	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4323-4328	Máy đo gió hình gao	Cai	Nga-Duc	1975	5	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	98M091	Máy đo to đo DC hiện số HT4100	Cai	Nhat	1998	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	3288A	Máy phát hiện khí độc WG-2M	B	Duc	1987	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	2205	Megomet	Cai	TQ	1964	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	3042	On áp NR-220/20	Cai	Duc	1975	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	97M148-156	Thiết bị đo áp lực trong lò	Cai	TQ	1997	3	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA184	Thiết bị đo nhiệt độ cầm tay	Cai	TQ	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	20C055-056	Tủ kính HP	cái	VN	2020	3	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4744	Tu say chan khong	Cai	Ba Lan	1975	1	
23	BM Tuyển khoáng	21C665-673	Bàn làm việc 1,2m	Chiếc	VN	2021	9	
23	BM Tuyển khoáng	21C250-252	Ghế xoay	Chiếc	VN	2021	3	
23	BM Tuyển khoáng	14M053	Máy in Canon LBP6200D	Cái	ĐNA	2014	1	
23	BM Tuyển khoáng	20C107	Máy in HP laserjet pro M402d	Cái	Philippin	2020	1	
23	BM Tuyển khoáng	06DA056	Máy in Laser HP3050	Cai	TQ	2006	1	
23	BM Tuyển khoáng	20C240	Tủ sắt HP		VN	2020	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	19C215-216	Bàn làm việc 1,2m HP	Cái	VN	2019	2	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	95M066	Be nước inoc	Cai	VN	1995	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	4648	Bếp cách thủy HLT-8	Cai	Balan	1972	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	3049A	Biển áp tu ngẫu	Cai	Nga	1981	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	3034A	Biển áp tu ngẫu	Cai	Nga	1979	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	3002	Biển áp tu ngẫu	Cai	TQ	1974	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	3001	Biển áp tu ngẫu	Cai	Nga	1976	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	4946	Bình on nhiệt NBE	Cai	Duc	1974	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	92M097	Bơm cát	Cai	VN	1992	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	360	Bơm cát SB-1-66	Cai	TQ	1974	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	359	Bơm cát SR-2-66	Cai	TQ	1974	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	99M211	Bơm nước	Cai	Tr.tien	1999	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	5287	Can ban	Cai	VN	1970	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	5283	Can địa PRL-T313	Cai	Balan	1970	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	5158	Can Kỹ thuật	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	5209	Can Kỹ thuật	Cai	TQ	1981	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	92M059	Can phân tích	Cai	Duc	1992	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	99M212	Chỉnh lưu máy tuyển tu	Cai	Nga	1999	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	15C810-819	Ghế gấp	Cái	VN	2015	10	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	19C217-231	Ghế Inox	Cái	VN	2019	15	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	Giasachtv	Giá sắt cao	Cai	VN		1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	Giasachtv	Giá sắt thấp	Cai	VN		1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	98M083	Kính hiển vi sinh vật	Cai	TQ	1998	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4793	Lo nung M10	Cai		1976	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4793	Lo nung OH-21	Cai	Duc	1979	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5077	Máy bán đai 30A-KS	Cai	Nga	1974	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA050	Máy bơm chân không thí nghiệm	Cai	TQ	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	00M240	Máy cắt nước 1 lan INOX	Cai	TQ	2000	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4876	Máy dập hàm JO-2	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4873	Máy dập hàm LE-103-97	Cai	Hung	1974	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4874	Máy dập trục 59-BDP	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	02M142	Máy in màu Epson Stylus 1160	cai	DNA	2002	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4833	Máy khuấy trục mềm ML-2	Cai	Balan	1974	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4831	Máy khuấy tu ZMB	Cai	Hung	1974	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5054	Máy sàng mang GM-1-66	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5052	Máy sàng mang GM-2-66	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5053	Máy sàng mang GM-3-66	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA049	Máy nén khí ABAC	Cai	Y	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4857	Máy nghiền bi sắt 40-TN	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4854	Máy nghiền bi sứ LE-101	Cai	Hung	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4862	Máy nghiền thanh XMB-67	Cai	TQ	1976	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5041	Máy sàng rung XSZ-73	Cai	TQ	1976	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	92M092	Máy tuyển nổi	Cai	TQ	1992	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5062	Máy tuyển nổi 135-BPL	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5063	Máy tuyển nổi 136-BPL	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5064	Máy tuyển nổi XF4R-63	Cai	TQ	1969	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5066	Máy tuyển nổi XFG-1-63	Cai	TQ	1976	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5021	Máy tuyển tu kho 138-TCM	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5022	Máy tuyển tu uot 25-TCM	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4864	Máy xiết đĩa 175	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	7074	Máy xoay lọc nước	Cai	VN	1975	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	98M085	Nồi hấp YX 280	Cai	TQ	1998	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	97C049	On áp Lioa	Cai	VN	1997	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	00M244	On áp Lioa	Cai	VN	2000	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	94M037	pH met HI-8424C	Cai	Ytali	1994	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5071	Thùng khuấy JB2-66	Cai	TQ	1971	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	19C214	Tủ kính HP	Cái	VN	2019	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	15C615-616	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2015	2	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	09C266	Tủ sắt 8 cánh	Cai	VN	2009	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	19C213	Tủ sắt 8 cánh HP	Cái	VN	2019	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	03G038	Tủ sắt cao 2met	cai	VN	2003	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	01G006	Tủ sắt kính	Cai	VN	2001	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	1437	Volmet xoay chiều	Cai	TQ	1978	1	
27	BM Sức bền vật liệu	02G038	Bàn họp	Cai	VN	2002	1	
27	BM Sức bền vật liệu	07G050A	Bàn làm việc	Cai	VN	2007	1	
27	BM Sức bền vật liệu	03G071	Bàn học	cai	VN	2003	1	
27	BM Sức bền vật liệu	09C089-093	Ghế gấp	Cai	VN	2009	5	
27	BM Sức bền vật liệu	14C1382-1391	Ghế gấp	Cái	VN	2014	10	
27	BM Sức bền vật liệu	14C1267	Ghế xoay	Cái	VN	2014	1	
27	BM Sức bền vật liệu	04C015	Máy điện thoại LG	Cai	VN	2004	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
27	BM Sức bền vật liệu	17M101	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	HQ	2017	1	
27	BM Sức bền vật liệu	20C131	Máy in đa năng Canon MF241D	Cái	HQ	2020	1	
27	BM Sức bền vật liệu	14M121	Máy in đa năng Canon MF3010	Cái	ĐNA	2014	1	
27	BM Sức bền vật liệu	00G011	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2000	1	
27	BM Sức bền vật liệu	14C647-648	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2014	2	
27	BM Sức bền vật liệu	03G061	Tu sat canh kính cao 2met	cai	VN	2003	1	
27	BM Sức bền vật liệu	07G050	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	02G038	Ban hop	Cai	VN	2002	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	08C482	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	03G071	Bang fooc	cai	VN	2003	2	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	01C066	Bo dung cu Clezet	Bo	Nhat	2001	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	04M164	Can ky thuat DY10K	Cai	TQ	2004	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	20C078-081	Chuyen vi ke Mitugio	Cai		2000	8	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	01M013A	Duong day dien thoai	Cai	VN	2001	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	08C754-758	Ghe gap	Cai	VN	2008	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	685	May keo nen RM-104	Cai	Hung	1974	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	01M257-258	Mô hình thí nghiệm SBVL	Bo	VN	2001	2	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	27BS004	On ap lioa 2KVA	Cai	VN	2000	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	20C082-083	Thuoc cap 300-0.05	Cai		2000	2	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	04G026	Tu sat 6 ngan	Cai	VN	2004	1	
28	VPK Mô	08C183	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	
28	VPK Mô	08C494	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	
28	VPK Mô	00G015A,B,C	Ban lam viec	Cai	VN	2000	3	
28	VPK Mô	14C708	Bản làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	1	
28	VPK Mô	09C249	Ban lam viec 1,6m TP	Cai	VN	2009	1	
28	VPK Mô	28BS006	Ban vi tinh	Cai	VN		1	
28	VPK Mô	02M160	Bo CDRom + Card + Loa	bo	DNA	2002	1	
28	VPK Mô	14M099	Điều hoà Funiki 12.000BTU	Bộ	ĐNA	2014	1	
28	VPK Mô	98M002	Duong day dien thoai	Bo	VN	1998	1	
28	VPK Mô	07G236-246	Ghe gap	Cai	VN	2007	10	
28	VPK Mô	08C506-515	Ghe gap	Cai	VN	2008	10	
28	VPK Mô	14C794-813	Ghế gấp	Cái	VN	2014	20	
28	VPK Mô	21C253-268	Ghế hợp	Chiếc	VN	2021	16	
28	VPK Mô	14C722	Ghế xoay	Cái	VN	2014	1	
28	VPK Mô	09C248	Ghe xoay to TP	Cai	VN	2009	1	
28	VPK Mô	28BS032-042	Ghe Xuan hoa	Cai	VN		9	
28	VPK Mô	16C081	Màn chiếu điện Dalite 84x84 inch	Chiếc	ĐNA	2016	1	
28	VPK Mô	19C415	Màn hình máy tính Dell E2417H IPS 24"	Chiếc	TQ	2019	1	
28	VPK Mô	BDA28DT-001	Máy điện thoại Panasonic	Cai	Nhat		1	
28	VPK Mô	08C105	Máy in Canon 1210	Cai	DNA	2008	1	
28	VPK Mô	13M223	Máy in Canon LBP6200d	Cái	ĐNA	2013	1	
28	VPK Mô	14M212	Máy in đa năng Canon MF3010	Cái	ĐNA	2014	1	
28	VPK Mô	09M042	Máy vi tính DELL GX360	Bo	TQ	2009	1	
28	VPK Mô	01M068	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2001	1	
28	VPK Mô	13C178	Quạt cây Vinawind	cái	VN	2014	1	
28	VPK Mô	02M162	Radio catset Phillip	Cai	DNA	2002	1	
28	VPK Mô	20C052-054	Tủ kính HP	cái	VN	2020	3	
28	VPK Mô	00M311	Tu lanh Sanyo SR-11AD	Cai	Nhat	2000	1	
28	VPK Mô	05G019	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2005	1	
28	VPK Mô	08C182	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1	
28	VPK Mô	08C456-457	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	2	
28	VPK Mô	07G040	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
----------	----------------	--------	-------------	-----	------------	-----------	-------------------	------------



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT

DANH MỤC TÀI SẢN ĐẾN 31/12/2022
KHOA: MỎ

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
I. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH								
21	BM Khai thác lộ thiên	13M155	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	KT134	Điều hòa 2 cục Ichieu National	Cái	Nhat	1997	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19M099	Khung mái che kt19,8x4m	bộ	VN	2019	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19M083	Máy chiếu Optoma PJ639X	Cái	ĐNA	2019	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M208	Máy in màu kho Ao	Cai	Nhat	2002	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M197	Thiết bị đo nhiệt lượng PARR	cai	My	2002	1	
22	BM Khai thác hầm lò	15M104	Điều hòa Funiki 24.000BTU	Cái	VN	2015	1	
22	BM Khai thác hầm lò	18M032	Máy tính G4400	Bộ	ĐNA	2018	1	
22	BM Khai thác hầm lò	22M061	Máy vi tính FPT ELEADF229QG	Bộ	VN	2022	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	18M072	Biến tần 3P 380VAC 15KW ACS-03E-31A0-4+màn hình AC-CP-C	Bộ	VN	2018	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA187	Bộ thiết bị đo khí đơn cầm tay	Bo	Anh	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	19M025	Điều hòa Sumikura 24000BTU	Bộ	ĐNA	2019	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA190	Máy đo ánh sáng điện tử hiện số	Cai	DL	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	KT012	Máy đo bụi hiện số	Cai	Nhat	1995	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	KT018	Máy đo rung VM63	Cai	Nhat	1995	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA185	TBi đo da nang trongphongTesto	Cai	Duc	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA188	TBi đo on cho CN ham mo	Bo	My	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA182	Thiết bị đo gió hầm lò	Bo	My	2010	1	
23	BM Tuyển khoáng	13M157	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
23	BM Tuyển khoáng	14M052	Máy tính ĐNA G2020 LCD19"	Bộ	ĐNA	2014	1	
23	BM Tuyển khoáng	19M108	Máy tính G5400	bộ	ĐNA	2019	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA127	Bàn đãi thí nghiệm Holman Wilfley800 Gravity Table	Chiếc	Anh	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA045	Cân phân tích điện tử BS 2245	Cai	Duc	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	19M016	Khung mái che KT14,8x7,8	Bộ	VN	2019	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	19M037	Khung mái che KT6,2x6,2	Bộ	VN	2019	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA130	Lò nung nhiệt độ cao Nabertherm L9/13/B410	Chiếc	Đức	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA046	Máy đập ham PEX	Cai	TQ	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA047	Máy đập trực XPS	Cai	TQ	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	98M081	Máy lắc tròn Heidolph	Cai	Duc	1998	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA129	Máy lắc màng lắc thí nghiệm Dove Instrument DI-JC700	Chiếc	Thái Lan	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA132	Máy nghiền bi thép FLSmidth 0014-0844	Chiếc	Úc	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA051	Máy nghiền bi thép XMCQ	Cai	TQ	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	05M162	Máy phân tích lắng	Cai	VN	2005	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA125	Máy tuyển điện thí nghiệm Mineral Technologies ESP9007-PS1	Chiếc	Úc	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA126	Máy tuyển ly tâm FLSmidth KC-MD-3-G4	Chiếc	Úc	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	02M214	Máy tuyển nổi da nang MN935/5	cai	Nhat	2002	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	92M091	Máy tuyển tĩnh điện	Cai	VN	1992	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	92M079A	Máy tuyển từ mạnh	Cai	VN	1992	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA131	Thiết bị phản ứng áp suất cao Parr 4563 (Moveable)	Chiếc	Mỹ	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	98M080	Tủ am	Cai	Phap	1998	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA128	Vít đứng thí nghiệm Mineral Technologies CS1-101	Chiếc	Úc	2017	1	
27	BM Sức bền vật liệu	00M122	Điều hòa 2 cục National	Bo	Nhat	2000	1	
27	BM Sức bền vật liệu	01M218A	Điều hòa 2 cục National-	Cai	Malaixia	2001	1	
27	BM Sức bền vật liệu	13M158	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
27	BM Sức bền vật liệu	14M120	Máy tính G2020 LCD19"	Bộ	ĐNA	2014	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	97M194	Máy keo nen van nang H-11	Cai	Duc	1997	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	14M122	Máy tính G2020 LCD19"	Bộ	ĐNA	2014	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	05M357	TB thu do cung be tong TypeN34	Cai	Thuysy	2005	1	
28	VPK Mô	18M023	Điều hòa Sumikura 18.000 BTU	chiếc	ĐNA	2018	1	
28	VPK Mô	08M064	Máy chiếu projector panaso,man	Cai	Nhat	2008	1	
28	VPK Mô	22M033	Máy tính để bàn 2	Bộ	TQ	2022	1	
28	VPK Mô	21M037	Máy tính ĐNA AOC21,5"	Bộ	ĐNA	2021	1	
28	VPK Mô	14M187	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
II. CÔNG CỤ LAO ĐỘNG NHỎ								
27	BM Sức bền vật liệu	04G017	Ban vi tinh	Cai	VN	2004	1	
27	BM Sức bền vật liệu	02M157	Máy quét Scanner 3500	cai	DNA	2002	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	13C068-069	Bàn làm việc	Cái	VN	2013	2	
21	BM Khai thác lộ thiên	95G062	Ban máy vi tinh	Cai	VN	1995	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	10C535-544	Ghe gap			2010	10	
21	BM Khai thác lộ thiên	12C138-157	Ghế gấp	Cái	VN	2012	20	
21	BM Khai thác lộ thiên	06M023	Máy in Laser HP1160	Cai	DNA	2006	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	02M133	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2002	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	00G017	Tu sat 2 canh kinh	Cai	VN	2000	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	14C704	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	05G027A	Tu sat 6 ngan	Cai	VN	2005	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	13C062	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2013	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	16C967-975	Bàn ghế học sinh	Bộ	VN	2016	9	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	16C967-975	Bàn ghế học sinh	Bộ	VN	2017	9	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19C198	Bàn làm việc	Cái	VN	2019	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	03G005-009	Ban thi nghiem fooc trang	cai	VN	2003	5	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	1973B8	Ban ve	Cai	VN	1991	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	03G014-015	Ban vi tinh fooc	cai	VN	2003	2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	03G019-020	Bang fooc	cai	VN	2003	2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	03G016-018	Ghe xoay	cai	VN	2003	3	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19C199	Ghế xoay 190	Cái	VN	2019	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	Giasachtv	Giá sắt cao	Cai	VN		2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M207	Man chieu cua may Infocus	Cai	My	2002	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M154	Máy in mau Epson Stylus 1160	cai	DNA	2002	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M202	Nguon cung cap dien 1 chieu	cai	My	2002	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M134	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2002	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	98M056-057	Quat cay Dien co	Cai	VN	1998	2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19C200-208	Quạt treo tường Vinawind	Cái	VN	2019	9	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	03G001A	Tu go 4 ngan dung tai lieu	Cai	VN	2003	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	00G013	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2000	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	15C785	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19C196-197	Tủ sắt 2 cánh mở	Cái	VN	2019	2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19C194-195	Tủ sắt 8 cánh mở	Cái	VN	2019	2	
22	BM Khai thác hầm lò	00G036A	Ban hop lon	Cai	VN	2000	2	
22	BM Khai thác hầm lò	20G037	Ghe dem mut	Cai	VN	2000	15	
22	BM Khai thác hầm lò	14C780-793	Ghế gấp	Cái	VN	2014	14	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
22	BM Khai thác hầm lò	15M183	Máy in đa năng Canon MF211	Cái	ĐNA	2015	1	
22	BM Khai thác hầm lò	18M033	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	ĐNA	2018	1	
22	BM Khai thác hầm lò	18M053	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	ĐNA	2018	1	
22	BM Khai thác hầm lò	14C869	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	
22	BM Khai thác hầm lò	16C1030-1031	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2016	2	
22	BM Khai thác hầm lò	16C1028-1029	Tủ sắt 4 cánh	Cái	VN	2016	2	
22	BM Khai thác hầm lò	05G025	Tu sat 6 ngan	Cai	VN	2005	1	
22	BM Khai thác hầm lò	11C218	Tu sat 8 ngan	Cai	VN	2011	1	
22	BM Khai thác hầm lò	11C468	Tu sat kinh dung tai lieu	Cai	VN	2011	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4364-4366	Am ke Asman	Cai	Duc	1969	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4381B3	Am ke Augut	Cai	Hung	1975	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	20C393	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2020	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	5237	Can tieu ly	Cai	TQ	1976	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	5181A-A1	Can van nang	Cai	Hung	1975	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	00M130	Che tao cui sat cai tien CSC	Cai	VN	2000	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	20C057-061	Giá sắt 5 tầng HP	cái	VN	2020	5	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4180-4184	La ban	Cai	Duc	1975	3	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4776	Lo nung	Cai	Hung	1975	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA179	Màn chiếutreotuongSunbeam96x96	Cai	TQ	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	676	Mang thong gio lon	B	VN	1971	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	5812	Máy dem bụi	Cai	Duc	1975	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	96M186-187	Máy đo áp lực AQT-145	Cai	TQ	1996	2	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	5588	Máy đo CO2-GRH9	B	Duc	1970	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	93M028	Máy đo độ phong xa	Cai	Nga	1993	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4317-4320	Máy đo gió hình cánh	Cai	Nga	1969	4	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4322	Máy đo gió hình cánh	Cai	Nga	1969	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4323-4328	Máy đo gió hình gao	Cai	Nga-Duc	1975	5	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	98M091	Máy đo to đo DC hiện so HT4100	Cai	Nhat	1998	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	3288A	Máy phát hiện khí độc WG-2M	B	Duc	1987	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	2205	Megomet	Cai	TQ	1964	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	3042	On áp NR-220/20	Cai	Duc	1975	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	97M148-156	Thiết bị đo áp lực trong lò	Cai	TQ	1997	3	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA184	Thiết bị đo nhiệt độ cầm tay	Cai	TQ	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	20C055-056	Tủ kính HP	cái	VN	2020	3	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4744	Tu say chan khong	Cai	Ba Lan	1975	1	
23	BM Tuyển khoáng	21C665-673	Bàn làm việc 1,2m	Chiếc	VN	2021	9	
23	BM Tuyển khoáng	21C250-252	Ghế xoay	Chiếc	VN	2021	3	
23	BM Tuyển khoáng	14M053	Máy in Canon LBP6200D	Cái	ĐNA	2014	1	
23	BM Tuyển khoáng	20C107	Máy in HP laserjet pro M402d	Cái	Philippin	2020	1	
23	BM Tuyển khoáng	06DA056	Máy in Laser HP3050	Cai	TQ	2006	1	
23	BM Tuyển khoáng	20C240	Tủ sắt HP		VN	2020	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	19C215-216	Bàn làm việc 1,2m HP	Cái	VN	2019	2	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	95M066	Be nước inoc	Cai	VN	1995	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	4648	Bếp cách thủy HLT-8	Cai	Balan	1972	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	3049A	Biện áp tu ngẫu	Cai	Nga	1981	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	3034A	Biện áp tu ngẫu	Cai	Nga	1979	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	3002	Biện áp tu ngẫu	Cai	TQ	1974	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	3001	Biện áp tu ngẫu	Cai	Nga	1976	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	4946	Bình on nhiệt NBE	Cai	Duc	1974	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	92M097	Bơm cát	Cai	VN	1992	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	360	Bơm cát SB-1-66	Cai	TQ	1974	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	359	Bơm cát SR-2-66	Cai	TQ	1974	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	99M211	Bơm nước	Cai	Tr.tien	1999	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	5287	Cán bàn	Cai	VN	1970	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5283	Can dia PRL-T313	Cai	Balan	1970	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5158	Can Ky thuat	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5209	Can Ky thuat	Cai	TQ	1981	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	92M059	Can phan tich	Cai	Duc	1992	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	99M212	Chinh luu may tuyen tu	Cai	Nga	1999	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	15C810-819	Ghế gấp	Cái	VN	2015	10	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	19C217-231	Ghế Inox	Cái	VN	2019	15	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	Giasachtv	Giá sắt cao	Cai	VN		1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	Giasachtv	Giá sắt thấp	Cai	VN		1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	98M083	Kinh hien vi sinh vat	Cai	TQ	1998	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4793	Lo nung M10	Cai		1976	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4793	Lo nung OH-21	Cai	Duc	1979	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5077	May ban dai 30A-KS	Cai	Nga	1974	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA050	May bom chan khong thi nghiem	Cai	TQ	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	00M240	May cat nuoc 1 lan INOX	Cai	TQ	2000	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4876	May dap ham JO-2	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4873	May dap ham LE-103-97	Cai	Hung	1974	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4874	May dap truc 59-BDP	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	02M142	Máy in mau Epson Stylus 1160	cai	DNA	2002	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4833	May khuay truc mem ML-2	Cai	Balan	1974	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4831	May khuay tu ZMB	Cai	Hung	1974	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5054	May lang mang GM-1-66	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5052	May lang mang GM-2-66	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5053	May lang mang GM-3-66	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA049	Máy nén khí ABAC	Cai	Y	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4857	May nghien bi sat 40-TN	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4854	May nghien bi su LE-101	Cai	Hung	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4862	May nghien thanh XMB-67	Cai	TQ	1976	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5041	May sang rung XSZ-73	Cai	TQ	1976	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	92M092	May tuyen noi	Cai	TQ	1992	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5062	May tuyen noi 135-BPL	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5063	May tuyen noi 136-BPL	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5064	May tuyen noi XF4R-63	Cai	TQ	1969	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5066	May tuyen noi XFG-1-63	Cai	TQ	1976	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5021	May tuyen tu kho 138-TCCEM	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5022	May tuyen tu uot 25-TCCEM	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4864	May xiet dia 175	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	7074	May xoay loc nuoc	Cai	VN	1975	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	98M085	Noi hap YX 280	Cai	TQ	1998	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	97C049	On ap Lioa	Cai	VN	1997	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	00M244	On ap Lioa	Cai	VN	2000	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	94M037	pH met HI-8424C	Cai	Ytali	1994	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5071	Thung khuay JB2-66	Cai	TQ	1971	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	19C214	Tủ kính HP	Cái	VN	2019	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	15C615-616	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2015	2	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	09C266	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2009	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	19C213	Tủ sắt 8 cánh HP	Cái	VN	2019	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	03G038	Tu sat cao 2met	cai	VN	2003	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	01G006	Tu sat kinh	Cai	VN	2001	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	1437	Volmet xoay chieu	Cai	TQ	1978	1	
27	BM Sức bền vật liệu	02G038	Ban hop	Cai	VN	2002	1	
27	BM Sức bền vật liệu	07G050A	Ban lam viec	Cai	VN	2007	1	
27	BM Sức bền vật liệu	03G071	Bang fooc	cai	VN	2003	1	
27	BM Sức bền vật liệu	09C089-093	Ghe gap	Cai	VN	2009	5	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
27	BM Sức bền vật liệu	14C1382-1391	Ghế gấp	Cái	VN	2014	10	
27	BM Sức bền vật liệu	14C1267	Ghế xoay	Cái	VN	2014	1	
27	BM Sức bền vật liệu	04C015	Máy điện thoại LG	Cái	VN	2004	1	
27	BM Sức bền vật liệu	17M101	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	HQ	2017	1	
27	BM Sức bền vật liệu	20C131	Máy in đa năng Canon MF241D	Cái	HQ	2020	1	
27	BM Sức bền vật liệu	14M121	Máy in đa năng Canon MF3010	Cái	ĐNA	2014	1	
27	BM Sức bền vật liệu	00G011	Tu sat 2 cánh	Cái	VN	2000	1	
27	BM Sức bền vật liệu	14C647-648	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2014	2	
27	BM Sức bền vật liệu	03G061	Tu sat cạnh kính cao 2met	cái	VN	2003	1	
27	BM Sức bền vật liệu	07G050	Tu tai lieu sat	Cái	VN	2007	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	02G038	Ban hop	Cái	VN	2002	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	08C482	Ban lam viec	Cái	VN	2008	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	03G071	Bang fooc	cái	VN	2003	2	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	01C066	Bo dung cu Clezet	Bo	Nhat	2001	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	04M164	Can ky thuat DY10K	Cái	TQ	2004	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	20C078-081	Chuyen vi ke Mitugio	Cái		2000	8	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	01M013A	Duong day dien thoai	Cái	VN	2001	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	08C754-758	Ghe gap	Cái	VN	2008	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	685	Máy kéo nen RM-104	Cái	Hung	1974	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	01M257-258	Mô hình thí nghiệm SBVL	Bo	VN	2001	2	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	27BS004	On ap lioa 2KVA	Cái	VN	2000	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	20C082-083	Thuoc cap 300-0.05	Cái		2000	2	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	04G026	Tu sat 6 ngan	Cái	VN	2004	1	
28	VPK Mô	08C183	Ban lam viec	Cái	VN	2008	1	
28	VPK Mô	08C494	Ban lam viec	Cái	VN	2008	1	
28	VPK Mô	00G015A,B,C	Ban lam viec	Cái	VN	2000	3	
28	VPK Mô	14C708	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	1	
28	VPK Mô	09C249	Ban lam viec 1,6m TP	Cái	VN	2009	1	
28	VPK Mô	28BS006	Ban vi tinh	Cái	VN		1	
28	VPK Mô	02M160	Bo CDRom + Card + Loa	bo	DNA	2002	1	
28	VPK Mô	14M099	Điều hoà Funiki 12.000BTU	Bộ	ĐNA	2014	1	
28	VPK Mô	98M002	Duong day dien thoai	Bo	VN	1998	1	
28	VPK Mô	07G236-246	Ghe gap	Cái	VN	2007	10	
28	VPK Mô	08C506-515	Ghe gap	Cái	VN	2008	10	
28	VPK Mô	14C794-813	Ghế gấp	Cái	VN	2014	20	
28	VPK Mô	21C253-268	Ghế hợp	Chiếc	VN	2021	16	
28	VPK Mô	14C722	Ghế xoay	Cái	VN	2014	1	
28	VPK Mô	09C248	Ghe xoay to TP	Cái	VN	2009	1	
28	VPK Mô	28BS032-042	Ghe Xuan hoa	Cái	VN		9	
28	VPK Mô	16C081	Màn chiếu điện Dalite 84x84 inch	Chiếc	ĐNA	2016	1	
28	VPK Mô	19C415	Màn hình máy tính Dell E2417H IPS 24"	Chiếc	TQ	2019	1	
28	VPK Mô	BDA28DT-001	Máy điện thoại Panasonic	Cái	Nhat		1	
28	VPK Mô	08C105	Máy in Canon 1210	Cái	DNA	2008	1	
28	VPK Mô	13M223	Máy in Canon LBP6200d	Cái	ĐNA	2013	1	
28	VPK Mô	14M212	Máy in đa năng Canon MF3010	Cái	ĐNA	2014	1	
28	VPK Mô	09M042	Máy vi tính DELL GX360	Bo	TQ	2009	1	
28	VPK Mô	01M068	On ap Lioa 2KVA	Cái	VN	2001	1	
28	VPK Mô	13C178	Quạt cây Vinawind	cái	VN	2014	1	
28	VPK Mô	02M162	Radio catset Phillip	Cái	DNA	2002	1	
28	VPK Mô	20C052-054	Tủ kính HP	cái	VN	2020	3	
28	VPK Mô	00M311	Tu lanh Sanyo SR-11AD	Cái	Nhat	2000	1	
28	VPK Mô	05G019	Tu sat 2 canh	Cái	VN	2005	1	
28	VPK Mô	08C182	Tu sat 2 canh	Cái	VN	2008	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
28	VPK Mô	08C456-457	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	2	
28	VPK Mô	07G040	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT

DANH MỤC TÀI SẢN ĐẾN 31/12/2023

KHOA: MỎ

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
I. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH								
21	BM Khai thác lộ thiên	13M155	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	23M219-220	Máy tính để bàn SingPC Hi510482-W	Bộ	VN	2023	2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	KT134	Điều hòa 2 cục 1chieu National	Cái	Nhat	1997	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19M099	Khung mái che kt19,8x4m	bộ	VN	2019	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19M083	Máy chiếu Optoma PJ639X	Cái	ĐNA	2019	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M208	Máy in mau kho Ao	Cai	Nhat	2002	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M197	Thiết bị đo nhiệt lượng PARR	cai	My	2002	1	
22	BM Khai thác hầm lò	15M104	Điều hòa Funiki 24.000BTU	Cái	VN	2015	1	
22	BM Khai thác hầm lò	18M032	Máy tính G4400	Bộ	ĐNA	2018	1	
22	BM Khai thác hầm lò	22M061	Máy vi tính FPT ELEADF229QG	Bộ	VN	2022	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	18M072	Biến tần 3P 380VAC 15KW ACS-03E-31A0-4+màn hình AC-CP-C	Bộ	VN	2018	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA187	Bộ thiết bị đo khí đơn cầm tay	Bo	Anh	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	19M025	Điều hòa Sumikura 24000BTU	Bộ	ĐNA	2019	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA190	Máy đo ánh sáng điện tử hiện số	Cai	DL	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	KT012	Máy đo bụi hiện số	Cai	Nhat	1995	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	KT018	Máy đo rung VM63	Cai	Nhat	1995	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA185	TBi đo da nang trongphongTesto	Cai	Duc	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA188	TBi đo on cho CN ham mo	Bo	My	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA182	Thiết bị đo gió hầm lò	Bo	My	2010	1	
23	BM Tuyển khoáng	13M157	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
23	BM Tuyển khoáng	14M052	Máy tính ĐNA G2020 LCD19"	Bộ	ĐNA	2014	1	
23	BM Tuyển khoáng	19M108	Máy tính G5400	bộ	ĐNA	2019	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA127	Bàn đai thí nghiệm Holman Wilfley800 Gravity Table	Chiếc	Anh	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA045	Cân phân tích điện tử BS 2245	Cai	Duc	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	19M016	Khung mái che KT14,8x7,8	Bộ	VN	2019	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	19M037	Khung mái che KT6,2x6,2	Bộ	VN	2019	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA130	Lò nung nhiệt độ cao Nabertherm L9/13/B410	Chiếc	Đức	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA046	Máy đập ham PEX	Cai	TQ	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA047	Máy đập trục XPS	Cai	TQ	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	98M081	Máy lắc tròn Heidolph	Cai	Duc	1998	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA129	Máy lắc màng lắc thí nghiệm Dove Instrument DI-JC700	Chiếc	Thái Lan	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA132	Máy nghiền bi thép FLSmidth 0014-0844	Chiếc	Úc	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA051	Máy nghiền bi thép XMCQ	Cai	TQ	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	05M162	Máy phân tích lắng	Cai	VN	2005	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA125	Máy tuyển điện thí nghiệm Mineral Technologies ESP9007-PS1	Chiếc	Úc	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA126	Máy tuyển ly tâm FLSmidth KC-MD-3-G4	Chiếc	Úc	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	02M214	Máy tuyen noi da nang MN935/5	cai	Nhat	2002	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	92M091	Máy tuyen tinh điện	Cai	VN	1992	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	92M079A	Máy tuyen từ mạnh	Cai	VN	1992	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	23M223	Thiết bị đo pH/ORP/Nhiệt độ để bàn PH2000-S , Model: PH2000-S	Chiếc	TQ	2023	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA131	Thiết bị phản ứng áp suất cao Parr 4563 (Moveable)	Chiếc	Mỹ	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	98M080	Tủ am	Cai	Phap	1998	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA128	Vít đứng thí nghiệm Mineral Technologies CS1-101	Chiếc	Úc	2017	1	
27	BM Sức bền vật liệu	00M122	Điều hòa 2 cục National	Bo	Nhat	2000	1	
27	BM Sức bền vật liệu	01M218A	Điều hòa 2 cục National-	Cai	Malaixia	2001	1	
27	BM Sức bền vật liệu	13M158	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
27	BM Sức bền vật liệu	14M120	Máy tính G2020 LCD19"	Bộ	ĐNA	2014	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	97M194	Máy kéo nén vạn năng H-11	Cai	Duc	1997	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	14M122	Máy tính G2020 LCD19"	Bộ	ĐNA	2014	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	05M357	TB thu đo rung bê tông TypeN34	Cai	Thuyssy	2005	1	
28	VPK Mô	18M023	Điều hòa Sumikura 18.000 BTU	chiếc	ĐNA	2018	1	
28	VPK Mô	23M024	Máy chiếu đa năng NEC NP-VE304G	Cái	TQ	2023	1	
28	VPK Mô	08M064	Máy chiếu projector panaso,man	Cai	Nhat	2008	1	
28	VPK Mô	22M033	Máy tính để bàn 2	Bộ	TQ	2022	1	
28	VPK Mô	21M037	Máy tính ĐNA AOC21,5"	Bộ	ĐNA	2021	1	
28	VPK Mô	14M187	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
II. CÔNG CỤ LAO ĐỘNG NHỎ								
27	BM Sức bền vật liệu	04G017	Bàn vi tính	Cai	VN	2004	1	
27	BM Sức bền vật liệu	02M157	Máy quét Scanner 3500	cai	DNA	2002	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	13C068-069	Bàn làm việc	Cái	VN	2013	2	
21	BM Khai thác lộ thiên	95G062	Bàn máy vi tính	Cai	VN	1995	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	10C535-544	Ghế gấp			2010	10	
21	BM Khai thác lộ thiên	12C138-157	Ghế gấp	Cái	VN	2012	20	
21	BM Khai thác lộ thiên	06M023	Máy in Laser HP1160	Cai	DNA	2006	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	02M133	On áp Lioa 2KVA	Cai	VN	2002	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	00G017	Tủ sắt 2 cánh kính	Cai	VN	2000	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	14C704	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	05G027A	Tủ sắt 6 ngăn	Cai	VN	2005	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	13C062	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2013	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	16C967-975	Bàn ghế học sinh	Bộ	VN	2016	9	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	16C967-975	Bàn ghế học sinh	Bộ	VN	2017	9	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19C198	Bàn làm việc	Cái	VN	2019	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	03G005-009	Bàn thí nghiệm fooc trang	cai	VN	2003	5	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	1973B8	Bàn vẽ	Cai	VN	1991	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	03G014-015	Bàn vi tính fooc	cai	VN	2003	2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	03G019-020	Bàn fooc	cai	VN	2003	2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	03G016-018	Ghế xoay	cai	VN	2003	3	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19C199	Ghế xoay 190	Cái	VN	2019	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	Giasachtv	Giá sắt cao	Cai	VN		2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M207	Man chieu cua may Infocus	Cai	My	2002	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M154	Máy in màu Epson Stylus 1160	cai	DNA	2002	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M202	Nguồn cung cấp điện 1 chiều	cai	My	2002	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M134	On áp Lioa 2KVA	Cai	VN	2002	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	98M056-057	Quạt cây Điện cơ	Cai	VN	1998	2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19C200-208	Quạt treo tường Vinawind	Cái	VN	2019	9	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	03G001A	Tủ gỗ 4 ngăn đựng tài liệu	Cai	VN	2003	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	00G013	Tủ sắt 2 cánh	Cai	VN	2000	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	15C785	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19C196-197	Tủ sắt 2 cánh mở	Cái	VN	2019	2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19C194-195	Tủ sắt 8 cánh mở	Cái	VN	2019	2	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
22	BM Khai thác hầm lò	00G036A	Ban hop lon	Cai	VN	2000	2	
22	BM Khai thác hầm lò	20G037	Ghe dem mut	Cai	VN	2000	15	
22	BM Khai thác hầm lò	14C780-793	Ghế gấp	Cái	VN	2014	14	
22	BM Khai thác hầm lò	15M183	Máy in đa năng Canon MF211	Cái	ĐNA	2015	1	
22	BM Khai thác hầm lò	18M033	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	ĐNA	2018	1	
22	BM Khai thác hầm lò	18M053	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	ĐNA	2018	1	
22	BM Khai thác hầm lò	23C009	Máy in đa năng HP LaserJet MFP M236sdw	Chiếc	VN	2023	1	
22	BM Khai thác hầm lò	14C869	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	
22	BM Khai thác hầm lò	16C1030-1031	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2016	2	
22	BM Khai thác hầm lò	16C1028-1029	Tủ sắt 4 cánh	Cái	VN	2016	2	
22	BM Khai thác hầm lò	05G025	Tu sat 6 ngan	Cai	VN	2005	1	
22	BM Khai thác hầm lò	11C218	Tu sat 8 ngan	Cai	VN	2011	1	
22	BM Khai thác hầm lò	11C468	Tu sat kinh dung tai lieu	Cai	VN	2011	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4364-4366	Am ke Asman	Cai	Duc	1969	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4381B3	Am ke Augut	Cai	Hung	1975	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	20C393	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2020	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	5237	Can tieu ly	Cai	TQ	1976	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	5181A-A1	Can van nang	Cai	Hung	1975	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	00M130	Che tao cui sat cai tien CSC	Cai	VN	2000	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	20C057-061	Giá sắt 5 tầng HP	cái	VN	2020	5	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4180-4184	La ban	Cai	Duc	1975	3	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4776	Lo nung	Cai	Hung	1975	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA179	Màn chiếutreotuongSunbeam96x96	Cai	TQ	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	676	Mang thông gió lon	B	VN	1971	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	5812	Máy dem bụi	Cai	Duc	1975	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	96M186-187	Máy đo áp lực AQT-145	Cai	TQ	1996	2	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	5588	Máy đo CO2-GRH9	B	Duc	1970	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	93M028	Máy đo độ phong xa	Cai	Nga	1993	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4317-4320	Máy đo gió hình cánh	Cai	Nga	1969	4	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4322	Máy đo gió hình cánh	Cai	Nga	1969	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4323-4328	Máy đo gió hình gao	Cai	Nga-Duc	1975	5	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	98M091	Máy đo to đo DC hiện so HT4100	Cai	Nhat	1998	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	3288A	Máy phát hiện khí độc WG-2M	B	Duc	1987	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	2205	Megomet	Cai	TQ	1964	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	3042	On áp NR-220/20	Cai	Duc	1975	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	97M148-156	Thiết bị đo áp lực trong lò	Cai	TQ	1997	3	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA184	Thiết bị đo nhiệt độ cầm tay	Cai	TQ	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	20C055-056	Tủ kính HP	cái	VN	2020	3	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4744	Tu say chan khong	Cai	Ba Lan	1975	1	
23	BM Tuyển khoáng	21C665-673	Bàn làm việc 1,2m	Chiếc	VN	2021	9	
23	BM Tuyển khoáng	21C250-252	Ghế xoay	Chiếc	VN	2021	3	
23	BM Tuyển khoáng	14M053	Máy in Canon LBP6200D	Cái	ĐNA	2014	1	
23	BM Tuyển khoáng	20C107	Máy in HP laserjet pro M402d	Cái	Philippin	2020	1	
23	BM Tuyển khoáng	06DA056	Máy in Laser HP3050	Cai	TQ	2006	1	
23	BM Tuyển khoáng	20C240	Tủ sắt HP		VN	2020	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	19C215-216	Bàn làm việc 1,2m HP	Cái	VN	2019	2	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	95M066	Be nước inoc	Cai	VN	1995	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	4648	Bếp cách thủy HLT-8	Cai	Balan	1972	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	3049A	Biện áp tu ngẫu	Cai	Nga	1981	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	3034A	Biện áp tu ngẫu	Cai	Nga	1979	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	3002	Biện áp tu ngẫu	Cai	TQ	1974	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	3001	Biện áp tu ngẫu	Cai	Nga	1976	1	
23.1	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	4946	Bình on nhiệt NBE	Cai	Duc	1974	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	92M097	Bom cat	Cai	VN	1992	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	360	Bom cat SB-1-66	Cai	TQ	1974	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	359	Bom cat SR-2-66	Cai	TQ	1974	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	99M211	Bom nuoc	Cai	Tr.tien	1999	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5287	Can ban	Cai	VN	1970	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5283	Can dia PRL-T313	Cai	Balan	1970	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5158	Can Ky thuat	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5209	Can Ky thuat	Cai	TQ	1981	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	23C338	Cân kỹ thuật 2200g/0.1g, Model: SPX2201	Chiếc	TQ	2023	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	92M059	Can phan tich	Cai	Duc	1992	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	99M212	Chinh luu may tuyen tu	Cai	Nga	1999	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	15C810-819	Ghế gấp	Cái	VN	2015	10	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	19C217-231	Ghế Inox	Cái	VN	2019	15	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	Giasachtv	Giá sắt cao	Cai	VN		1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	Giasachtv	Giá sắt thấp	Cai	VN		1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	98M083	Kinh hien vi sinh vat	Cai	TQ	1998	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4793	Lo nung M10	Cai		1976	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4793	Lo nung OH-21	Cai	Duc	1979	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5077	May ban dai 30A-KS	Cai	Nga	1974	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA050	May bom chan khong thi nghiem	Cai	TQ	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	00M240	May cat nuoc 1 lan INOX	Cai	TQ	2000	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4876	May dap ham JO-2	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4873	May dap ham LE-103-97	Cai	Hung	1974	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4874	May dap truc 59-BDP	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	02M142	Máy in mau Epson Stylus 1160	cai	DNA	2002	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4833	May khuay truc mem ML-2	Cai	Balan	1974	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4831	May khuay tu ZMB	Cai	Hung	1974	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	23C337	Máy khuấy từ, Model: HS-12	Chiếc	TQ	2023	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5054	May lang mang GM-1-66	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5052	May lang mang GM-2-66	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5053	May lang mang GM-3-66	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA049	Máy nén khí ABAC	Cai	Y	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4857	May nghien bi sat 40-TN	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4854	May nghien bi su LE-101	Cai	Hung	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4862	May nghien thanh XMB-67	Cai	TQ	1976	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5041	May sang rung XSZ-73	Cai	TQ	1976	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	92M092	May tuyen noi	Cai	TQ	1992	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5062	May tuyen noi 135-BPL	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5063	May tuyen noi 136-BPL	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5064	May tuyen noi XF4R-63	Cai	TQ	1969	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5066	May tuyen noi XFG-1-63	Cai	TQ	1976	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5021	May tuyen tu kho 138-TCM	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5022	May tuyen tu uot 25-TCM	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4864	May xiet dia 175	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	7074	May xoay loc nuoc	Cai	VN	1975	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	98M085	Noi hap YX 280	Cai	TQ	1998	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	97C049	On ap Lioa	Cai	VN	1997	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	00M244	On ap Lioa	Cai	VN	2000	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	94M037	pH met HI-8424C	Cai	Ytali	1994	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5071	Thung khuay JB2-66	Cai	TQ	1971	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	19C214	Tủ kính HP	Cái	VN	2019	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	15C615-616	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2015	2	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	09C266	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2009	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
23.1	PTN Tuyểnkhảo và Môi trường	19C213	Tủ sắt 8 cánh HP	Cái	VN	2019	1	
23.1	PTN Tuyểnkhảo và Môi trường	03G038	Tu sat cao 2met	cai	VN	2003	1	
23.1	PTN Tuyểnkhảo và Môi trường	01G006	Tu sat kinh	Cai	VN	2001	1	
23.1	PTN Tuyểnkhảo và Môi trường	1437	Volmet xoay chieu	Cai	TQ	1978	1	
27	BM Sức bền vật liệu	02G038	Ban hop	Cai	VN	2002	1	
27	BM Sức bền vật liệu	07G050A	Ban lam viec	Cai	VN	2007	1	
27	BM Sức bền vật liệu	03G071	Bang fooc	cai	VN	2003	1	
27	BM Sức bền vật liệu	09C089-093	Ghe gap	Cai	VN	2009	5	
27	BM Sức bền vật liệu	14C1382-1391	Ghế gấp	Cái	VN	2014	10	
27	BM Sức bền vật liệu	14C1267	Ghế xoay	Cái	VN	2014	1	
27	BM Sức bền vật liệu	04C015	May dien thoai LG	Cai	VN	2004	1	
27	BM Sức bền vật liệu	17M101	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	HQ	2017	1	
27	BM Sức bền vật liệu	20C131	Máy in đa năng Canon MF241D	Cái	HQ	2020	1	
27	BM Sức bền vật liệu	14M121	Máy in đa năng Canon MF3010	Cái	ĐNA	2014	1	
27	BM Sức bền vật liệu	00G011	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2000	1	
27	BM Sức bền vật liệu	14C647-648	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2014	2	
27	BM Sức bền vật liệu	03G061	Tu sat canh kinh cao 2met	cai	VN	2003	1	
27	BM Sức bền vật liệu	07G050	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	02G038	Ban hop	Cai	VN	2002	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	08C482	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	03G071	Bang fooc	cai	VN	2003	2	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	01C066	Bo dung cu Clezet	Bo	Nhat	2001	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	04M164	Can ky thuat DY10K	Cai	TQ	2004	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	20C078-081	Chuyen vi ke Mitugio	Cai		2000	8	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	01M013A	Duong day dien thoai	Cai	VN	2001	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	08C754-758	Ghe gap	Cai	VN	2008	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	685	May keo nen RM-104	Cai	Hung	1974	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	01M257-258	Mô hình thí nghiệm SBVL	Bo	VN	2001	2	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	27BS004	On ap lioa 2KVA	Cai	VN	2000	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	20C082-083	Thuoc cap 300-0.05	Cai		2000	2	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	04G026	Tu sat 6 ngan	Cai	VN	2004	1	
28	VPK Mô	08C183	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	
28	VPK Mô	08C494	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	
28	VPK Mô	00G015A,B,C	Ban lam viec	Cai	VN	2000	3	
28	VPK Mô	14C708	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	1	
28	VPK Mô	09C249	Ban lam viec 1,6m TP	Cai	VN	2009	1	
28	VPK Mô	28BS006	Ban vi tinh	Cai	VN		1	
28	VPK Mô	02M160	Bo CDRom + Card + Loa	bo	DNA	2002	1	
28	VPK Mô	14M099	Điều hoà Funiki 12.000BTU	Bộ	ĐNA	2014	1	
28	VPK Mô	98M002	Duong day dien thoai	Bo	VN	1998	1	
28	VPK Mô	07G236-246	Ghe gap	Cai	VN	2007	10	
28	VPK Mô	08C506-515	Ghe gap	Cai	VN	2008	10	
28	VPK Mô	14C794-813	Ghế gấp	Cái	VN	2014	20	
28	VPK Mô	21C253-268	Ghế hợp	Chiếc	VN	2021	16	
28	VPK Mô	14C722	Ghế xoay	Cái	VN	2014	1	
28	VPK Mô	09C248	Ghe xoay to TP	Cai	VN	2009	1	
28	VPK Mô	28BS032-042	Ghe Xuan hoa	Cai	VN		9	
28	VPK Mô	16C081	Màn chiếu điện Dalite 84x84 inch	Chiếc	ĐNA	2016	1	
28	VPK Mô	19C415	Màn hình máy tính Dell E2417H IPS 24"	Chiếc	TQ	2019	1	
28	VPK Mô	BDA28DT-001	May dien thoai Panasonic	Cai	Nhat		1	
28	VPK Mô	08C105	May in Canon 1210	Cai	DNA	2008	1	
28	VPK Mô	13M223	Máy in Canon LBP6200d	Cái	ĐNA	2013	1	
28	VPK Mô	14M212	Máy in đa năng Canon MF3010	Cái	ĐNA	2014	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
28	VPK Mô	09M042	Máy vi tính DELL GX360	Bo	TQ	2009	1	
28	VPK Mô	01M068	On áp Lioa 2KVA	Cai	VN	2001	1	
28	VPK Mô	13C178	Quạt cây Vinawind	cái	VN	2014	1	
28	VPK Mô	02M162	Radio catset Phillip	Cai	DNA	2002	1	
28	VPK Mô	20C052-054	Tủ kính HP	cái	VN	2020	3	
28	VPK Mô	00M311	Tủ lạnh Sanyo SR-11AD	Cai	Nhat	2000	1	
28	VPK Mô	05G019	Tủ sát 2 cánh	Cai	VN	2005	1	
28	VPK Mô	08C182	Tủ sát 2 cánh	Cai	VN	2008	1	
28	VPK Mô	08C456-457	Tủ sát 2 cánh	Cai	VN	2008	2	
28	VPK Mô	07G040	Tủ tài liệu sát	Cai	VN	2007	1	



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT

DANH MỤC TÀI SẢN ĐẾN 31/12/2024
KHOA: MỎ

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
I. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH								
21	BM Khai thác lộ thiên	13M155	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	23M219-220	Máy tính để bàn SingPC Hi510482-W	Bộ	VN	2023	2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	KT134	Điều hòa 2 cục 1chieu National	Cái	Nhat	1997	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19M099	Khung mái che kt19,8x4m	bộ	VN	2019	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19M083	Máy chiếu Optoma PJ639X	Cái	ĐNA	2019	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M208	Máy in mau kho Ao	Cai	Nhat	2002	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M197	Thiết bị đo nhiệt lượng PARR	cai	My	2002	1	
22	BM Khai thác hầm lò	15M104	Điều hòa Funiki 24.000BTU	Cái	VN	2015	1	
22	BM Khai thác hầm lò	18M032	Máy tính G4400	Bộ	ĐNA	2018	1	
22	BM Khai thác hầm lò	22M061	Máy vi tính FPT ELEADF229QG	Bộ	VN	2022	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	18M072	Biến tần 3P 380VAC 15KW ACS-03E-31A0-4+màn hình ÁC-CP-C	Bộ	VN	2018	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA187	Bộ thiết bị đo khí đơn cầm tay	Bo	Anh	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	19M025	Điều hòa Sumikura 24000BTU	Bộ	ĐNA	2019	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA190	Máy đo ánh sáng điện tử hiện số	Cai	DL	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	KT012	Máy đo bụi hiện số	Cai	Nhat	1995	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	KT018	Máy đo rung VM63	Cai	Nhat	1995	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	24M135	Mô hình MHHL-3D1 (động) mô phỏng toàn bộ quá trình hoạt động của 1 mô hầm lò MHHL-3D1	Bộ	VN	2024	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	24M136	Mô hình MH-HTKTH in 3D (tĩnh) hệ thống khai thác lò chợ dài MH- HTKTH	Bộ	VN	2024	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	24M137	Mô hình MH-MKTHL in 3D (tĩnh) máy Combai khẩu than lò chợ MH- MKTHL	Bộ	VN	2024	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	24M138	Mô hình MH-VCCCKHLH in 3D (tĩnh) vì chống cơ khí hóa ZF 3200/16/24 MH-VCCCKHLH	Bộ	VN	2024	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA185	TBi đo đa năng trongphongTesto	Cai	Duc	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA188	TBi đo on cho CN ham mo	Bo	My	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA182	Thiết bị đo gió hầm lò	Bo	My	2010	1	
23	BM Tuyển khoáng	13M157	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
23	BM Tuyển khoáng	14M052	Máy tính ĐNA G2020 LCD19"	Bộ	ĐNA	2014	1	
23	BM Tuyển khoáng	24M055-056	Máy tính đồng bộ MCC-P10482D78M22 + Màn hình: MCC 21.5" LED Full HD 2215HV	Bộ	VN	2024	2	
23	BM Tuyển khoáng	19M108	Máy tính G5400	bộ	ĐNA	2019	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA127	Bàn đăi thí nghiệm Holman Wilfley800 Gravity Table	Chiếc	Anh	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA045	Cân phân tích điện tử BS 2245	Cai	Duc	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	19M016	Khung mái che KT14,8x7,8	Bộ	VN	2019	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	19M037	Khung mái che KT6,2x6,2	Bộ	VN	2019	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA130	Lò nung nhiệt độ cao Nabertherm L9/13/B410	Chiếc	Đức	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA046	Máy dập ham PEX	Cai	TQ	2006	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA047	Máy đập trục XPS	Cai	TQ	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	98M081	Máy lắc tròn Heidolph	Cai	Duc	1998	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA129	Máy lắc sàng lắc thí nghiệm Dove Instrument DI-JC700	Chiếc	Thái Lan	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA132	Máy nghiền bi thép FLSmith 0014-0844	Chiếc	Úc	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA051	Máy nghiền bi thép XMCQ	Cai	TQ	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	05M162	Máy phân tích lắng	Cai	VN	2005	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA125	Máy tuyển điện thí nghiệm Mineral Technologies ESP9007-PS1	Chiếc	Úc	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA126	Máy tuyển ly tâm FLSmith KC-MD-3-G4	Chiếc	Úc	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	02M214	Máy tuyền noi da nang MN935/5	cai	Nhat	2002	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	92M091	Máy tuyền tĩnh điện	Cai	VN	1992	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	92M079A	Máy tuyền từ mạnh	Cai	VN	1992	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	23M223	Thiết bị đo pH/ORP/Nhiệt độ để bàn PH2000-S , Model: PH2000-S	Chiếc	TQ	2023	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA131	Thiết bị phản ứng áp suất cao Parr 4563 (Moveable)	Chiếc	Mỹ	2017	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	98M080	Tủ am	Cai	Phap	1998	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	17DA128	Vít đứng thí nghiệm Mineral Technologies CS1-101	Chiếc	Úc	2017	1	
27	BM Sức bền vật liệu	00M122	Điều hòa 2 cục National	Bo	Nhat	2000	1	
27	BM Sức bền vật liệu	01M218A	Điều hòa 2 cục National-	Cai	Malaixia	2001	1	
27	BM Sức bền vật liệu	13M158	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
27	BM Sức bền vật liệu	14M120	Máy tính G2020 LCD19"	Bộ	ĐNA	2014	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	97M194	Máy keo nen van nang H-11	Cai	Duc	1997	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	14M122	Máy tính G2020 LCD19"	Bộ	ĐNA	2014	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	05M357	TB thu đo cung be tong TypeN34	Cai	Thuysy	2005	1	
28	VPK Mô	18M023	Điều hòa Sumikura 18.000 BTU	chiếc	ĐNA	2018	1	
28	VPK Mô	23M024	Máy chiếu đa năng NEC NP-VE304G	Cái	TQ	2023	1	
28	VPK Mô	08M064	Máy chiếu projector panaso,man	Cai	Nhat	2008	1	
28	VPK Mô	24M085	Máy quét HP Scanjet enterprime Flow 7000 S3 Scanner 1YWYTY_L2757A	Chiếc	TQ	2024	1	
28	VPK Mô	22M033	Máy tính để bàn 2	Bộ	TQ	2022	1	
28	VPK Mô	21M037	Máy tính ĐNA AOC21,5"	Bộ	ĐNA	2021	1	
28	VPK Mô	14M187	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
II. CÔNG CỤ LAO ĐỘNG NHỎ								
27	BM Sức bền vật liệu	04G017	Ban vi tính	Cai	VN	2004	1	
27	BM Sức bền vật liệu	02M157	Máy quét Scanner 3500	cai	DNA	2002	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	13C068-069	Bàn làm việc	Cái	VN	2013	2	
21	BM Khai thác lộ thiên	95G062	Bàn máy vi tính	Cai	VN	1995	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	10C535-544	Ghe gáp			2010	10	
21	BM Khai thác lộ thiên	12C138-157	Ghế gấp	Cái	VN	2012	20	
21	BM Khai thác lộ thiên	06M023	Máy in Laser HP1160	Cai	DNA	2006	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	02M133	On áp Lioa 2KVA	Cai	VN	2002	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	00G017	Tu sat 2 cánh kính	Cai	VN	2000	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	14C704	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	05G027A	Tu sat 6 ngan	Cai	VN	2005	1	
21	BM Khai thác lộ thiên	13C062	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2013	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	16C967-975	Bàn ghế học sinh	Bộ	VN	2016	9	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	16C967-975	Bàn ghế học sinh	Bộ	VN	2017	9	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19C198	Bàn làm việc	Cái	VN	2019	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	03G005-009	Bàn thí nghiệm fooc trang	cai	VN	2003	5	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	1973B8	Ban ve	Cai	VN	1991	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	03G014-015	Ban vi tinh fooc	cai	VN	2003	2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	03G019-020	Bang fooc	cai	VN	2003	2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	03G016-018	Ghe xoay	cai	VN	2003	3	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19C199	Ghế xoay 190	Cái	VN	2019	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	Giasachtv	Giá sắt cao	Cai	VN		2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M207	Man chieu cua may Infocus	Cai	My	2002	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M154	Máy in mau Epson Stylus 1160	cai	DNA	2002	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M202	Nguon cung cap dien 1 chieu	cai	My	2002	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	02M134	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2002	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	98M056-057	Quat cay Dien co	Cai	VN	1998	2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19C200-208	Quạt treo tường Vinawind	Cái	VN	2019	9	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	03G001A	Tu go 4 ngan dung tai lieu	Cai	VN	2003	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	00G013	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2000	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	15C785	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	1	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19C196-197	Tủ sắt 2 cánh mở	Cái	VN	2019	2	
21.1	PTN Khai thác lộ thiên	19C194-195	Tủ sắt 8 cánh mở	Cái	VN	2019	2	
22	BM Khai thác hầm lò	00G036A	Ban hop lon	Cai	VN	2000	2	
22	BM Khai thác hầm lò	20G037	Ghe dem mut	Cai	VN	2000	15	
22	BM Khai thác hầm lò	14C780-793	Ghế gấp	Cái	VN	2014	14	
22	BM Khai thác hầm lò	15M183	Máy in đa năng Canon MF211	Cái	ĐNA	2015	1	
22	BM Khai thác hầm lò	18M033	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	ĐNA	2018	1	
22	BM Khai thác hầm lò	18M053	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	ĐNA	2018	1	
22	BM Khai thác hầm lò	23C009	Máy in đa năng HP LaserJet MFP M236sdw	Chiếc	VN	2023	1	
22	BM Khai thác hầm lò	24C319	Máy in HP LaserJet M211d Printer 1Y WTY-9YF82A	Chiếc	VN	2024	1	
22	BM Khai thác hầm lò	14C869	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	
22	BM Khai thác hầm lò	16C1030-1031	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2016	2	
22	BM Khai thác hầm lò	16C1028-1029	Tủ sắt 4 cánh	Cái	VN	2016	2	
22	BM Khai thác hầm lò	05G025	Tu sat 6 ngan	Cai	VN	2005	1	
22	BM Khai thác hầm lò	11C218	Tu sat 8 ngan	Cai	VN	2011	1	
22	BM Khai thác hầm lò	11C468	Tu sat kinh dung tai lieu	Cai	VN	2011	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4364-4366	Am ke Asman	Cai	Duc	1969	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4381B3	Am ke Augut	Cai	Hung	1975	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	20C393	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2020	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	5237	Can tieu ly	Cai	TQ	1976	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	5181A-A1	Can van nang	Cai	Hung	1975	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	00M130	Che tao cui sat cai tien CSC	Cai	VN	2000	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	20C057-061	Giá sắt 5 tầng HP	cái	VN	2020	5	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4180-4184	La ban	Cai	Duc	1975	3	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4776	Lo nung	Cai	Hung	1975	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA179	Màn chiếutreotuongSunbeam96x96	Cai	TQ	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	676	Mang thong gio lon	B	VN	1971	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	5812	Máy dem bụi	Cai	Duc	1975	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	96M186-187	Máy đo áp lực AQT-145	Cai	TQ	1996	2	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	5588	Máy đo CO2-GRH9	B	Duc	1970	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	93M028	Máy đo độ phong xa	Cai	Nga	1993	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4317-4320	Máy đo gió hình cánh	Cai	Nga	1969	4	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4322	Máy đo gió hình cánh	Cai	Nga	1969	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4323-4328	Máy đo gió hình gao	Cai	Nga-Duc	1975	5	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	98M091	Máy đo to do DC hien so HT4100	Cai	Nhat	1998	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	3288A	Máy phát hiện khí độc WG-2M	B	Duc	1987	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	2205	Megomet	Cai	TQ	1964	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
22.1	PTN Khai thác hầm lò	3042	On ap NR-220/20	Cai	Duc	1975	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	97M148-156	Thiet bi do ap luc trong lo	Cai	TQ	1997	3	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	10DA184	Thiêt bị đo nhiệt độ cầm tay	Cai	TQ	2010	1	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	20C055-056	Tủ kính HP	cái	VN	2020	3	
22.1	PTN Khai thác hầm lò	4744	Tu say chan khong	Cai	Ba Lan	1975	1	
23	BM Tuyển khoáng	21C665-673	Bàn làm việc 1,2m	Chiếc	VN	2021	9	
23	BM Tuyển khoáng	21C250-252	Ghế xoay	Chiếc	VN	2021	3	
23	BM Tuyển khoáng	14M053	Máy in Canon LBP6200D	Cái	ĐNA	2014	1	
23	BM Tuyển khoáng	24C333	Máy in HP LaserJet MFP M236sdw Printer, 1Y WTY 9YG09A	Chiếc	VN	2024	1	
23	BM Tuyển khoáng	20C107	Máy in HP laserjet pro M402d	Cái	Philippin	2020	1	
23	BM Tuyển khoáng	06DA056	Máy in Laser HP3050	Cai	TQ	2006	1	
23	BM Tuyển khoáng	20C240	Tủ sắt HP		VN	2020	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	19C215-216	Bàn làm việc 1,2m HP	Cái	VN	2019	2	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	95M066	Be nuoc inoc	Cai	VN	1995	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4648	Bep cach thuy HLT-8	Cai	Balan	1972	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	3049A	Bien ap tu ngau	Cai	Nga	1981	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	3034A	Bien ap tu ngau	Cai	Nga	1979	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	3002	Bien ap tu ngau	Cai	TQ	1974	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	3001	Bien ap tu ngau	Cai	Nga	1976	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4946	Binh on nhiet NBE	Cai	Duc	1974	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	92M097	Bom cat	Cai	VN	1992	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	360	Bom cat SB-1-66	Cai	TQ	1974	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	359	Bom cat SR-2-66	Cai	TQ	1974	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	99M211	Bom nuoc	Cai	Tr.tien	1999	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5287	Can ban	Cai	VN	1970	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5283	Can dia PRL-T313	Cai	Balan	1970	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5158	Can Ky thuat	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5209	Can Ky thuat	Cai	TQ	1981	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	23C338	Cân kỹ thuật 2200g/0.1g, Model: SPX2201	Chiếc	TQ	2023	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	92M059	Can phan tich	Cai	Duc	1992	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	99M212	Chinh luu may tuyen tu	Cai	Nga	1999	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	15C810-819	Ghế gấp	Cái	VN	2015	10	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	19C217-231	Ghế Inox	Cái	VN	2019	15	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	Giasachtv	Giá sắt cao	Cai	VN		1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	Giasachtv	Giá sắt thấp	Cai	VN		1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	98M083	Kinh hien vi sinh vat	Cai	TQ	1998	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4793	Lo nung M10	Cai		1976	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4793	Lo nung OH-21	Cai	Duc	1979	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5077	May ban dai 30A-KS	Cai	Nga	1974	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA050	May bom chan khong thi nghiem	Cai	TQ	2006	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	00M240	May cat nuoc 1 lan INOX	Cai	TQ	2000	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4876	May dap ham JO-2	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4873	May dap ham LE-103-97	Cai	Hung	1974	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4874	May dap truc 59-BDP	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	02M142	Máy in mau Epson Stylus 1160	cái	DNA	2002	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4833	Máy khuấy trục mem ML-2	Cai	Balan	1974	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4831	Máy khuấy tu ZMB	Cai	Hung	1974	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	23C337	Máy khuấy từ, Model: HS-12	Chiếc	TQ	2023	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5054	May lang mang GM-1-66	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5052	May lang mang GM-2-66	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5053	May lang mang GM-3-66	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	06DA049	Máy nén khí ABAC	Cai	Y	2006	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4857	May nghiien bi sat 40-TN	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4854	May nghiien bi su LE-101	Cai	Hung	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4862	May nghiien thanh XMB-67	Cai	TQ	1976	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5041	May sang rung XSZ-73	Cai	TQ	1976	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	92M092	May tuyen noi	Cai	TQ	1992	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5062	May tuyen noi 135-BPL	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5063	May tuyen noi 136-BPL	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5064	May tuyen noi XF4R-63	Cai	TQ	1969	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5066	May tuyen noi XFG-1-63	Cai	TQ	1976	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5021	May tuyen tu kho 138-TCEM	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5022	May tuyen tu uot 25-TCEM	Cai	Nga	1965	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	4864	May xiet dia 175	Cai	TQ	1977	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	7074	May xoay loc nuoc	Cai	VN	1975	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	98M085	Noi hap YX 280	Cai	TQ	1998	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	97C049	On ap Lioa	Cai	VN	1997	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	00M244	On ap Lioa	Cai	VN	2000	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	94M037	pH met HI-8424C	Cai	Ytali	1994	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	5071	Thung khuay JB2-66	Cai	TQ	1971	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	19C214	Tủ kính HP	Cái	VN	2019	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	15C615-616	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2015	2	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	09C266	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2009	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	19C213	Tủ sắt 8 cánh HP	Cái	VN	2019	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	03G038	Tu sat cao 2met	cai	VN	2003	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	01G006	Tu sat kinh	Cai	VN	2001	1	
23.1	PTN Tuyểnkhoáng và Môi trường	1437	Volmet xoay chieu	Cai	TQ	1978	1	
27	BM Sức bền vật liệu	02G038	Ban hop	Cai	VN	2002	1	
27	BM Sức bền vật liệu	07G050A	Ban lam viec	Cai	VN	2007	1	
27	BM Sức bền vật liệu	03G071	Bang fooc	cai	VN	2003	1	
27	BM Sức bền vật liệu	09C089-093	Ghe gap	Cai	VN	2009	5	
27	BM Sức bền vật liệu	14C1382-1391	Ghế gấp	Cái	VN	2014	10	
27	BM Sức bền vật liệu	14C1267	Ghế xoay	Cái	VN	2014	1	
27	BM Sức bền vật liệu	04C015	May dien thoai LG	Cai	VN	2004	1	
27	BM Sức bền vật liệu	17M101	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	HQ	2017	1	
27	BM Sức bền vật liệu	20C131	Máy in đa năng Canon MF241D	Cái	HQ	2020	1	
27	BM Sức bền vật liệu	14M121	Máy in đa năng Canon MF3010	Cái	ĐNA	2014	1	
27	BM Sức bền vật liệu	00G011	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2000	1	
27	BM Sức bền vật liệu	14C647-648	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2014	2	
27	BM Sức bền vật liệu	03G061	Tu sat canh kinh cao 2met	cai	VN	2003	1	
27	BM Sức bền vật liệu	07G050	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	02G038	Ban hop	Cai	VN	2002	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	08C482	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	03G071	Bang fooc	cai	VN	2003	2	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	01C066	Bo dung cu Clezet	Bo	Nhat	2001	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	04M164	Can ky thuat DY10K	Cai	TQ	2004	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	20C078-081	Chuyen vi ke Mitugio	Cai		2000	8	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	01M013A	Duong day dien thoai	Cai	VN	2001	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	08C754-758	Ghe gap	Cai	VN	2008	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	685	May keo nen RM-104	Cai	Hung	1974	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	01M257-258	Mô hình thí nghiệm SBVL	Bo	VN	2001	2	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	27BS004	On ap lioa 2KVA	Cai	VN	2000	1	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	20C082-083	Thuoc cap 300-0.05	Cai		2000	2	
27.1	PTN cơ học vật liệu và công trình	04G026	Tu sat 6 ngan	Cai	VN	2004	1	
28	VPK Mô	08C183	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	
28	VPK Mô	08C494	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
28	VPK Mô	00G015A,B,C	Ban lam viec	Cai	VN	2000	3	
28	VPK Mô	14C708	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	1	
28	VPK Mô	09C249	Ban lam viec 1,6m TP	Cai	VN	2009	1	
28	VPK Mô	28BS006	Ban vi tinh	Cai	VN		1	
28	VPK Mô	02M160	Bo CDRom + Card + Loa	bo	DNA	2002	1	
28	VPK Mô	14M099	Điều hoà Funiki 12.000BTU	Bộ	ĐNA	2014	1	
28	VPK Mô	98M002	Duong day dien thoai	Bo	VN	1998	1	
28	VPK Mô	07G236-246	Ghe gap	Cai	VN	2007	10	
28	VPK Mô	08C506-515	Ghe gap	Cai	VN	2008	10	
28	VPK Mô	14C794-813	Ghế gấp	Cái	VN	2014	20	
28	VPK Mô	21C253-268	Ghế hợp	Chiếc	VN	2021	16	
28	VPK Mô	14C722	Ghế xoay	Cái	VN	2014	1	
28	VPK Mô	09C248	Ghe xoay to TP	Cai	VN	2009	1	
28	VPK Mô	28BS032-042	Ghe Xuan hoa	Cai	VN		9	
28	VPK Mô	16C081	Màn chiếu điện Dalite 84x84 inch	Chiếc	ĐNA	2016	1	
28	VPK Mô	19C415	Màn hình máy tính Dell E2417H IPS 24"	Chiếc	TQ	2019	1	
28	VPK Mô	BDA28DT-001	Máy điện thoại Panasonic	Cai	Nhat		1	
28	VPK Mô	08C105	Máy in Canon 1210	Cai	DNA	2008	1	
28	VPK Mô	13M223	Máy in Canon LBP6200d	Cái	ĐNA	2013	1	
28	VPK Mô	14M212	Máy in đa năng Canon MF3010	Cái	ĐNA	2014	1	
28	VPK Mô	09M042	Máy vi tính DELL GX360	Bo	TQ	2009	1	
28	VPK Mô	01M068	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2001	1	
28	VPK Mô	13C178	Quạt cây Vinawind	cái	VN	2014	1	
28	VPK Mô	02M162	Radio catset Phillip	Cai	DNA	2002	1	
28	VPK Mô	20C052-054	Tủ kính HP	cái	VN	2020	3	
28	VPK Mô	00M311	Tu lanh Sanyo SR-11AD	Cai	Nhat	2000	1	
28	VPK Mô	05G019	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2005	1	
28	VPK Mô	08C182	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1	
28	VPK Mô	08C456-457	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	2	
28	VPK Mô	07G040	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	